

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

HOÀNG ĐỨC CHUNG

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ CAO BẰNG

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

HOÀNG ĐỨC CHUNG

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI CHI CỤC THUẾ
THÀNH PHỐ CAO BẰNG

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ

MÃ SỐ: 8340410

Người hướng dẫn khoa học: 1. GS.TS Lê Quốc Hội
2. TS. Nguyễn Thị Hoài Thu

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

Học viên

Hoàng Đức Chung

LỜI CẢM ƠN

Học viên xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Ban Giám hiệu nhà trường và toàn thể các thầy giáo, cô giáo của trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Cục Thuế tỉnh Cao Bằng, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi trong quá trình học tập, thu thập số liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề án.

Học viên chân thành cảm ơn GS.TS Lê Quốc Hội, TS. Nguyễn Thị Hoài Thu đã giành nhiều thời gian, công sức để hướng dẫn học viên nghiên cứu và hoàn thành đề án: *“Tăng cường quản lý thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng”*.

Học viên cảm ơn các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo trong trường Đại học Kinh tế Quốc dân đã giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho đề án.

Do thời gian nghiên cứu có hạn, kinh nghiệm bản thân chưa nhiều và lần đầu tiên thực hiện nghiên cứu khoa học nên sẽ có những thiếu sót, vì vậy mong nhận được sự quan tâm của các thầy giáo, cô giáo và các đồng nghiệp, tiếp tục có ý kiến góp ý để đề án được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn!

Học viên

Hoàng Đức Chung

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ	vi
TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ.....	vii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết xây dựng đề án	1
2. Mục tiêu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu	2
5. Kết cấu đề án	4
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DNNVV	5
1.1. Khái quát về Thuế GTGT và DNNVV.....	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế GTGT	5
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của DNNVV	6
1.2. Quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục thuế	7
1.2.1 Khái niệm quản lý thuế GTGT đối với DNNVV	7
1.2.2. Nguyên tắc quản lý thuế GTGT đối với DNNVV	7
1.2.3. Nội dung quản lý thuế GTGT đối với DNNVV	8
1.2.4. Các tiêu chí đánh giá quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV.....	12
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục thuế	13
1.3.1. Nhân tố khách quan	13
1.3.2. Nhân tố thuộc về cơ quan thuế	14
1.3.3. Nhân tố thuộc bản thân doanh nghiệp	15
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG.....	166
2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	166
2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Cao Bằng .	166
2.1.2. Khái quát về Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	177
2.2. Quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	222

2.2.1. Quản lý căn cứ tính thuế GTGT	222
2.2.2. Quản lý công tác kê khai, nộp thuế GTGT.....	266
2.2.3. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.....	299
2.2.4. Công tác kiểm tra thuế.....	31
2.2.5. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.....	34
2.2.6. Một số nội dung quản lý khác	37
2.3. Đánh giá thực trạng quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	38
2.3.1. Những kết quả đã đạt được.....	38
2.3.2. Những hạn chế.....	399
2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế.....	40
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG.....	42
3.1. Quan điểm, mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	42
3.1.1. Quan điểm.....	42
3.1.2. Mục tiêu.....	433
3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.....	44
3.2.1. Tăng cường quản lý công tác kê khai, nộp thuế.....	44
3.2.2. Tăng cường quản lý căn cứ tính thuế GTGT.....	45
3.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế	50
3.3. Kiến nghị.....	51
3.3.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành	51
3.3.2. Hỗ trợ của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng	53
3.3.3. Sự tham của các tổ chức, chính quyền địa phương	544
KẾT LUẬN	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	56
PHỤ LỤC	577

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
1	DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
2	GTGT	Giá trị gia tăng
3	HĐĐT	Hóa đơn điện tử
4	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
5	NNT	Người nộp thuế
6	NSNN	Ngân sách nhà nước
7	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Nhân sự của Chi cục Thuế Cao Bằng giai đoạn 2021-2023	199
Bảng 2.2: Kết quả thu NSNN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023	21
Bảng 2.3: Lũy kế số lượng DNNVV giai đoạn 2021-2023	223
Bảng 2.4: Thuế GTGT phát sinh phải nộp của DNNVV giai đoạn 2021-2023	25
Bảng 2.5: Số lượng DNNVV phát sinh mới, ngừng hoạt động giai đoạn 2021-2023 ..	25
Bảng 2.6: Số tờ khai thuế GTGT phải nộp trong giai đoạn từ 2021-2023	277
Bảng 2.7: Thuế GTGT nộp vào NSNN của DNNVV giai đoạn 2021-2023	28
Bảng 2.8. Kết quả khảo sát đánh giá của DNNVV về công tác quản lý kê khai thuế, nộp thuế	288
Bảng 2.9: Kết quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng từ năm 2021-2023	299
Bảng 2.10: Đánh giá của DNNVV đối với công tác tuyên truyền, hỗ trợ tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	30
Bảng 2.11: Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT giai đoạn 2021 - 2023	31
Bảng 2.12: Kết quả kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế giai đoạn 2021-2023	32
Bảng 2.13: Đánh giá mức độ hài lòng của DNNVV về công tác kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	34
Bảng 2.14: Tình hình thu nợ thuế GTGT của các DNNVV tại Chi cục thuế thành phố giai đoạn 2021-2023	35
Bảng 2.15: Đánh giá của DNNVV về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng	36
Bảng 2.16: Tình hình xử phạt vi phạm hành chính về kê khai thuế GTGT đối với DNNVV giai đoạn từ năm 2021-2023	37

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục thuế thành phố cao Bằng	188
--	-----

TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Đề án “*Tăng cường quản lý thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng*” đã hệ thống hóa các lý luận, thực tiễn về công tác quản lý thuế để phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng theo từng chức năng, công đoạn quản lý thuế nhằm xác định các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể để hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng. Vì vậy, đề án có thể triển khai ngay tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng với các nguồn lực hiện có và dự kiến đạt được một số kết quả chính sau:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả việc thực thi công vụ của công chức thuế.

- Hoàn thiện và hiện đại hóa công tác quản lý thuế, gắn liền với cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho NNT thực hiện nghĩa vụ đối với NSNN, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh về thuế.

- Tăng cường quản lý thu thuế GTGT góp phần ngăn chặn và phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về thuế GTGT, tạo sức lan tỏa và nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế đối với công chức thuế và người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý trong giai đoạn cải cách, hiện đại hóa ngành thuế và hội nhập kinh tế quốc tế, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm của công chức thuế.

- Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan Thuế với chính quyền địa phương và các cơ quan hữu quan trong công tác quản lý thuế.

- Tạo môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng cho NNT nói chung và DNNVV nói riêng trên địa bàn thành phố Cao Bằng.

- Đảm bảo các khoản thu NSNN, đặc biệt là khoản thu từ thuế GTGT thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị thu NSNN, đồng thời tạo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của địa phương trong cân đối thu chi NSNN, góp phần ổn định an ninh chính trị, phát triển KT-XH tại địa phương.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết xây dựng đề án

Quốc hội khóa IX đã thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999. Qua nhiều lần sửa đổi và bổ sung, Luật thuế GTGT đã đi vào cuộc sống, phát huy tác dụng tích cực đối với việc khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh; góp phần mở rộng lưu thông hàng hoá, ổn định giá cả, đẩy mạnh đầu tư và xuất khẩu; tạo nguồn thu ổn định cho Ngân sách Nhà nước (NSNN).

Cùng với sự đổi mới phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trên địa bàn thành phố Cao Bằng cũng không ngừng phát triển cả về số lượng và quy mô, đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế, tăng nguồn thu cho NSNN, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và các vấn đề xã hội tại địa phương. Số thuế GTGT của DNNVV trên địa bàn thành phố Cao Bằng nộp cho NSNN hàng năm chiếm tỷ trọng lớn trên tổng số thuế, phí và lệ phí (khoảng 30%) nhưng đây lại là lĩnh vực phức tạp, khó quản lý. Do thói quen mua hàng hóa, dịch vụ không lấy hóa đơn của người tiêu dùng vẫn còn phổ biến, ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế (NNT) chưa cao dẫn đến tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, nợ đọng thuế còn xảy ra ở một số doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình quản lý thuế của cơ quan quản lý chưa thật sự phù hợp, công tác chỉ đạo điều hành chưa quyết liệt, một bộ phận công chức thuế thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ. Hơn nữa cơ quan thuế chưa có biện pháp hữu hiệu để quản lý các căn cứ tính thuế như: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh thu tính thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán ra của các DNNVV, đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ,... dẫn đến công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV trên địa bàn chưa được tốt, đã gây thất thoát một phần số thu của NSNN.

Vì vậy, để khắc phục những hạn chế trên, hướng tới quản lý chặt chẽ hơn số thuế GTGT phải nộp của DNNVV, phát huy tối đa vai trò quản lý của cơ quan nhà nước trong công tác thu NSNN để tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp, giảm chi phí về thực hiện thủ tục hành chính thuế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển là việc rất cần thiết phải tiếp tục được nghiên cứu.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, đề tài: ***“Tăng cường quản lý thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng”*** được nghiên cứu góp phần hoàn thiện quy trình quản lý thuế GTGT đối với DNNVV trên địa bàn thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của đề án nhằm làm rõ những vấn đề lý luận về quản lý thuế GTGT đối với DNNVV và thực tiễn thực hiện việc quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, từ đó rút ra được những giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về thuế GTGT, quản lý thuế GTGT đối với DNNVV.

- Phân tích, đánh giá được thực trạng quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023.

- Đề xuất giải pháp tăng cường quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng một cách có hiệu quả, tăng thu cho NSNN, giảm bớt các rủi ro, thất thoát cho NSNN và tạo sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế GTGT giữa các doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn những nội dung liên quan đến quản lý thuế GTGT đối với DNNVV.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Đề án tập trung nghiên cứu những nội dung liên quan đến quản lý thuế GTGT của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đối với DNNVV trên địa bàn.

- Về không gian: Đề tài nghiên cứu công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục thuế thành phố Cao Bằng.

- Về thời gian: Để phục vụ nghiên cứu đề tài, tác giả tiến hành thu thập số liệu từ năm 2021 đến năm 2023 tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá một cách toàn diện và có hệ thống thực trạng công tác quản lý thuế đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, đề án sử dụng các phương pháp sau:

4.1. Phương pháp luận

Vận dụng quan điểm, đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước để phân tích thực trạng quản lý và chính sách thuế thực hiện ở địa bàn nghiên cứu. Từ đó rút ra một số nhận xét và kiến nghị, đề xuất các giải pháp để góp phần hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

Phương pháp tiếp cận: xem xét, nghiên cứu dưới góc độ các quy trình nghiệp vụ, các văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, trong đó tập trung vào các quy trình quản lý thuế hiện hành để phân tích, đánh giá nhằm tìm ra những bất cập, mâu thuẫn hoặc những tồn tại để nhằm đề xuất một số biện pháp có tính khả thi trong tương lai.

4.1.1. Số liệu thứ cấp

Được thu thập từ các nguồn tài liệu, báo cáo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng; Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng; Niên giám thống kê tỉnh Cao Bằng; các báo cáo tài liệu của các ban ngành tỉnh Cao Bằng; thông tin đã được công bố trên các giáo trình, báo, tạp chí, công trình và đề tài khoa học.

4.1.2. Số liệu sơ cấp

Được tiến hành thu thập trên cơ sở khảo sát ngẫu nhiên các DNNVV đóng trên địa bàn thành phố Cao Bằng. Cụ thể: tác giả đã chọn 50 DNNVV để tiến hành khảo sát (50 DNNVV được chọn đảm bảo được tính đại diện cho các ngành nghề kinh doanh, bao gồm: sản xuất, thương mại, ăn uống, xây dựng, khách sạn, vận tải...); phương pháp khảo sát là thông qua trả lời các bảng hỏi. Mục đích của việc khảo sát số liệu sơ cấp là lấy ý kiến của các DNNVV về việc Khai thuế, nộp thuế; Kiểm tra thuế; Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế và việc tuân thủ pháp luật về thuế GTGT cũng như đánh giá mức độ phù hợp của NNT về sự hướng dẫn, hỗ trợ, công tác quản lý thuế GTGT của cơ quan thuế đối với NNT. Qua đó, cung cấp những số liệu mới và chưa có trong số liệu thứ cấp. Bảng hỏi được thiết kế bám sát theo các nội dung của quy trình quản lý thuế GTGT hiện nay và theo đề cương nghiên cứu, bảng hỏi chủ yếu sử dụng các câu hỏi đóng phục vụ cho việc lấy ý kiến đề xuất của doanh nghiệp. Sau khi thu thập số liệu sơ cấp, tác giả tiến hành xử lý, tổng hợp và vận dụng các phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp, thống kê... để đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế GTGT đối với các DNNVV của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng. Phiếu khảo sát được gửi trực tiếp cho các DNNVV được lựa chọn trên địa bàn và số phiếu gửi có tỷ lệ tương ứng. Cụ thể, Phiếu khảo sát được gửi cho các DNNVV trên địa bàn với số phiếu phát ra là 50 phiếu, số phiếu thu về là 50 phiếu, đạt tỷ lệ 100%.

4.2. Phương pháp xử lý và tổng hợp số liệu

- Dùng phương pháp thống kê để tổng hợp số liệu và hệ thống hoá theo các chỉ tiêu phù hợp với mục đích nghiên cứu.

- Việc xử lý và tính toán các số liệu, các chỉ tiêu nghiên cứu được tiến hành trên phần mềm Excel và phần mềm ứng dụng của Tổng Cục Thuế.

4.3. Phương pháp phân tích

- Trên cơ sở các tài liệu đã được xử lý, tổng hợp và vận dụng các phương pháp phân tích thống kê, phân tích kinh tế để đánh giá thực trạng quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế GTGT.

- Phương pháp biểu đồ để phân tích đánh giá một cách khách quan, khoa học về các nội dung nghiên cứu.

5. Kết cấu đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung đề án gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV

Chương 2: Thực trạng quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1.1. Khái quát về Thuế GTGT và DNNVV

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của thuế GTGT

* *Khái niệm:*

“Thuế GTGT là thuế tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng”. (*Quốc hội, 2013, Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12*).

* *Đặc điểm của thuế GTGT:*

“Là một loại thuế gián thu, tính gián thu của thuế GTGT được biểu hiện ở việc NNT và người chịu thuế không đồng nhất với nhau. Người mua hàng hóa dịch vụ là người phải trả thuế GTGT thông qua giá mua của hàng hóa, dịch vụ. Người bán hàng hóa dịch vụ thực hiện nộp khoản thuế GTGT đã được người mua trả vào NSNN.

Thuế GTGT đánh vào giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ phát sinh ở các giai đoạn từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đó. Tổng số thuế GTGT thu được ở tất cả các giai đoạn sẽ bằng số thuế GTGT tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng.

Là một loại thuế có tính trung lập cao, thuế GTGT không chịu ảnh hưởng bởi kết quả kinh doanh của NNT và không bị ảnh hưởng bởi quá trình tổ chức phân chia quá trình sản xuất kinh doanh, bởi tổng số thuế ở tất cả các giai đoạn luôn bằng số thuế tính trên giá bán ở giai đoạn cuối cùng bất kể số giai đoạn nhiều hay ít.

Thuế GTGT chỉ đánh vào hoạt động tiêu dùng diễn ra trong phạm vi lãnh thổ, không đánh vào hành vi tiêu dùng ngoài lãnh thổ.”

(*Tổng cục Thuế (2019, 224), Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên chính, Nhà xuất bản Tài chính*)

* *Vai trò của thuế GTGT:*

“Thuế GTGT là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế, có tác dụng điều tiết thu nhập của tổ chức, cá nhân tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

Là khoản thu quan trọng của NSNN. Ở Việt Nam, tỷ trọng thuế GTGT trong tổng số thu NSNN hàng năm (trừ dầu thô) chiếm khoảng 27-29%.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh chuyên môn hóa, hợp tác hóa sản xuất nâng cao hiệu quả kinh tế, phù hợp với phát triển kinh tế thị trường.

Khuyến khích xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ thông qua áp dụng thuế suất 0%. Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ không phải chịu thuế GTGT khâu xuất khẩu và còn được hoàn số thuế GTGT đầu vào đã thu ở khâu trước nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên thị trường quốc tế.”

(Tổng cục Thuế (2019, 224), Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên chính, Nhà xuất bản Tài chính)

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của DNNVV

** Khái niệm DNNVV:*

“DNNVV bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây: Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng hoặc doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.” (*Quốc hội, 2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14*).

** Đặc điểm của DNNVV:*

- DNNVV có quy mô nhỏ, ít vốn, chi phí quản lý đào tạo không lớn, thường hướng vào những lĩnh vực phục vụ trực tiếp đời sống, những sản phẩm có sức mua cao, dung lượng thị trường lớn, nên huy động được các nguồn lực xã hội, các nguồn vốn còn tiềm ẩn trong dân, tận dụng được các nguồn nguyên vật liệu, nhân lực tại chỗ.

- Nhạy cảm với những biến động của thị trường, chuyển đổi mặt hàng nhanh phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng.

- Số lượng và chất lượng lao động trong DNNVV thấp, đặc biệt trong các doanh nghiệp nhỏ, công nhân thường là người trong gia đình, giám đốc thường đảm nhiệm cả vai trò điều hành, nhân sự, marketing,...

- DNNVV chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại chứ không tập trung vào sản xuất và chế biến. Chủ yếu là các ngành nghề liên quan đến mua bán sản xuất đồ dùng, các loại dịch vụ và phân bổ hàng tiêu dùng.

** Vai trò của DNNVV:*

- Giữ vai trò ổn định nền kinh tế: DNNVV được ví như thanh giảm sóc cho nền kinh tế, bởi vì DNNVV ở phần lớn các nền kinh tế đều là những nhà thầu phụ cho các

doanh nghiệp lớn, sự điều chỉnh hợp đồng thầu phụ tại các thời điểm cho phép nền kinh tế có được sự ổn định.

- Là trụ cột của kinh tế địa phương: Doanh nghiệp lớn thường đặt cơ sở ở những trung tâm kinh tế của đất nước, thì DNNVV lại có mặt ở khắp các tỉnh thành, tạo ra công ăn việc làm cho người lao động ở địa phương và đóng góp không nhỏ giá trị GDP cho quốc gia.

- Góp phần tạo thêm nguồn thu NSNN cho địa phương: Khi DNNVV phát triển, sẽ làm thu nhập của người làm việc trong doanh nghiệp tăng lên và khi thu thập tăng lên sẽ kích thích người dân mua sắm hàng hóa do đó số thuế GTGT nộp vào NSNN cũng tăng lên. Đồng thời khi nhu cầu tiêu dùng tăng lên, doanh nghiệp làm ăn có lãi sẽ tiếp tái đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và sẽ nộp thuế nhiều hơn cho NSNN.

1.2. Quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục thuế

1.2.1 Khái niệm quản lý thuế GTGT đối với DNNVV

Theo giáo trình Quản lý thuế của Học viện Tài chính (2016) thì: Quản lý thuế có thể được hiểu là quá trình tác động của cơ quan quản lý thuế đến người nộp thuế nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật thuế. Quá trình tác động của cơ quan quản lý thuế nhằm đảm bảo sự tuân thủ pháp luật của người nộp thuế là quá trình tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế như tuyên truyền thuế, hỗ trợ người nộp thuế, quản lý kê khai thuế, kế toán thuế, thanh tra thuế, kiểm tra thuế, đơn đốc thu nộp và quản lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế. Tuân thủ pháp luật của người nộp thuế bao gồm tuân thủ về đăng ký thuế, kê khai thuế, tính thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác về thuế.

Theo giáo trình Tài chính công của khoa Tài chính Nhà nước, Trường đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2005) thì: “Quản lý thuế là những biện pháp nghiệp vụ do cơ quan có chức năng thu NSNN thực hiện”... “Đó là những hoạt động thường xuyên của cơ quan thu hướng về phía đối tượng nộp nhằm đảm bảo thu thuế đầy đủ, kịp thời và đúng luật định”.

Như vậy, quản lý thuế GTGT đối với DNNVV là hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan thuế, tác động đến đối tượng để đảm bảo pháp luật về thuế GTGT được thực thi nhằm mục đích thu đúng, thu đủ, thu kịp thời thuế GTGT của DNNVV vào NSNN.

1.2.2. Nguyên tắc quản lý thuế GTGT đối với DNNVV

Theo Điều 5 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 thì quản lý thuế GTGT đối với DNNVV gồm các nguyên tắc sau:

Thứ nhất: DNNVV có nghĩa vụ nộp thuế GTGT theo quy định của luật.

Thứ hai: Cơ quan quản lý thuế, các cơ quan khác của Nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu thực hiện việc quản lý thuế GTGT đối với DNNVV theo quy định của Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của NNT.

Thứ ba: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Thứ tư: Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý thuế; áp dụng các nguyên tắc quản lý thuế theo thông lệ quốc tế, trong đó có nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế, nguyên tắc quản lý rủi ro trong quản lý thuế và các nguyên tắc khác phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Thứ năm: Áp dụng biện pháp ưu tiên khi thực hiện các thủ tục về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật về hải quan và quy định của Chính phủ.

1.2.3. Nội dung quản lý thuế GTGT đối với DNNVV

Theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 để đảm bảo tính pháp lý cho việc thực hiện cơ chế tự tính, tự khai, tự nộp thuế và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của NNT, cơ quan thuế thực hiện chức năng tuyên truyền, hỗ trợ NNT; hướng dẫn kê khai thuế; kiểm tra thuế; cưỡng chế nợ thuế; xử lý vi phạm pháp luật về thuế. Việc quy định rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận trong công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng nhằm hạn chế các tiêu cực cũng như tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp thực hiện đúng chính sách pháp luật thuế. Do đó, quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế gồm một số nội dung chính như sau:

1.2.3.1. Quản lý căn cứ tính thuế GTGT

Quản lý căn cứ tính thuế luôn là vấn đề phức tạp, khó khăn. Căn cứ tính thuế sẽ quyết định số thuế phải nộp nhiều hay ít, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích kinh tế của doanh nghiệp. Còn ở góc độ quản lý, căn cứ tính thuế là cơ sở để đảm bảo xác định đúng số thuế nộp vào NSNN. Hiện nay, thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm, do đó công tác quản lý căn cứ tính thuế càng trở nên quan trọng nếu không kiểm soát chặt chẽ sẽ là lỗ hổng để doanh nghiệp lợi dụng, gian lận thuế.

Công tác quản lý căn cứ tính thuế GTGT được thể hiện qua một số nội dung chính sau:

- Quản lý giá tính thuế là việc tổ chức quản lý theo dõi doanh nghiệp áp giá tính thuế GTGT có đúng thực tế và quy định của Luật thuế GTGT hay không.

- Quản lý việc áp dụng thuế suất là là việc tổ chức quản lý theo dõi doanh nghiệp áp thuế suất thuế GTGT đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ đúng với quy định hay không.

- Quản lý hóa đơn, chứng từ là việc quản lý đăng ký, sử dụng hóa đơn trong cung ứng dịch vụ, hàng hóa phải tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán, pháp luật về thuế. Khi cung cấp dịch vụ, hàng hóa người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: Xác định thuế GTGT đầu ra là vấn đề đặc biệt được quan tâm vì nó ảnh hưởng đến số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp. Hiện nay, cơ quan thuế quản lý đầu ra thông qua các tờ khai thuế GTGT, qua các hóa đơn bán hàng hóa... xác định kiểm tra thời điểm tính thuế GTGT đầu ra của các doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra tính hợp pháp cũng như tính đầy đủ của các loại hóa đơn chứng từ liên quan, phải tuân theo điều kiện được khấu trừ đầu vào của hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Quản lý thuế GTGT phải nộp: Dựa trên công tác quản lý giá tính thuế, quản lý việc áp dụng thuế suất, quản lý hóa đơn, chứng từ... để xác định được số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp một cách chính xác và đầy đủ, đúng quy định của pháp luật thuế GTGT.

1.2.3.2. Quản lý công tác kê khai, nộp thuế GTGT

Quản lý việc kê khai, nộp thuế GTGT: là quản lý về thời hạn kê khai thuế, thời hạn nộp thuế và chất lượng tờ khai thuế GTGT.

- Thời hạn nộp tờ khai: Doanh nghiệp phải thực hiện kê khai và nộp tờ khai Thuế GTGT theo tháng hoặc theo quý. Thời hạn nộp tờ khai theo tháng chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế; Thời hạn nộp tờ khai theo quý chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế. Trường hợp NNT phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì thực hiện kê khai bổ sung thuế GTGT (thời hạn kê khai bổ sung thuế GTGT là 10 năm kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ khai thuế). Nhưng phải trước khi cơ quan thuế ban hành quyết định thanh tra, kiểm tra.

- Chất lượng tờ khai thuế GTGT: Doanh nghiệp tự tính thuế, khai thuế GTGT, cơ quan thuế sẽ đối chiếu, kiểm tra hồ sơ khai thuế để phát hiện các lỗi sai sót về yêu cầu doanh nghiệp giải trình, kê khai bổ sung. Trường hợp doanh nghiệp giải trình không đúng hoặc không giải trình thì cơ quan thuế xem xét đưa vào diện rủi ro về thuế để ban hành quyết định kiểm tra tại cơ quan thuế hoặc trụ sở NNT.

- Quản lý việc nộp thuế GTGT: Theo quy định thì thời hạn nộp thuế GTGT chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế GTGT. Sau thời hạn đó, nếu NNT chưa nộp tiền thuế GTGT vào NSNN thì sẽ được chuyển thành số thuế GTGT còn nợ và được quản lý theo Quy trình quản lý nợ thuế.

1.2.3.3. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Tuyên truyền, hỗ trợ NNT là một chức năng quan trọng trong công tác quản lý thuế, giúp nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của NNT đồng thời cũng là cầu nối giữa cơ quan thuế và NNT để xây dựng niềm tin và sự hợp tác giữa cơ quan thuế và NNT, góp phần tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, tuân thủ pháp luật, giảm thiểu chi phí quản lý thuế. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT được thực hiện dưới nhiều hình thức như: tư vấn hỗ trợ trực tiếp, qua điện thoại, thư điện tử; tuyên truyền qua các tài liệu, ấn phẩm, tờ rơi; tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông như qua báo, đài phát thanh, truyền hình; tổ chức hội nghị đối thoại, tập huấn....

1.2.3.4. Công tác kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế là hoạt động giám sát của cơ quan thuế đối với hoạt động, giao dịch liên quan đến phát sinh nghĩa vụ thuế và tình hình thực hiện thủ tục hành chính thuế, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT, nhằm đảm bảo pháp luật thuế được thi hành nghiêm chỉnh trong đời sống KT-XH. Kiểm tra thuế được thực hiện dưới hai hình thức đó là kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế và kiểm tra tại trụ sở của NNT.

Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế: Để đánh giá sự tuân thủ pháp luật về thuế của NNT, cơ quan thuế thường xuyên tiến hành kiểm tra các hồ sơ thuế tại trụ sở cơ quan quản lý thuế. Công chức thuế thực hiện kiểm tra, đối chiếu nội dung kê khai trong hồ sơ thuế với cơ sở dữ liệu của NNT và tài liệu có liên quan về NNT để phân tích đánh giá tính tuân thủ hoặc phát hiện các trường hợp khai chưa đầy đủ dẫn tới việc thiếu thuế hoặc trốn thuế, gian lận thuế. Trường hợp qua kiểm tra, đối chiếu, so sánh, phân tích xét thấy có nội dung khai chưa đúng, số liệu kê khai chưa chính xác hoặc có những nội dung cần xác minh liên quan đến số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn giảm, số tiền thuế được hoàn thì cơ quan thuế ra thông báo bằng văn bản đề nghị NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu.

Kiểm tra tại trụ sở của NNT được thực hiện trong các trường hợp: Hết thời hạn thông báo của cơ quan quản lý thuế mà NNT không giải trình bổ sung thông tin tài liệu hoặc không khai bổ sung hồ sơ khai thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ khai thuế nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng, hoặc cơ quan thuế không đủ căn cứ để ấn định số thuế phải nộp; Trường hợp qua phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật thuế của NNT có dấu hiệu vi phạm pháp luật; Trường hợp kiểm tra trước hoàn thuế và kiểm tra sau hoàn thuế theo quy định; Trường hợp lựa chọn đối tượng kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề; Kiểm tra đối với các trường hợp chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản, cổ phần hóa, đóng mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra thuế, cơ quan quản lý thuế ra quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp kiểm tra thuế mà phát hiện hành vi trốn thuế có dấu hiệu tội phạm thì cơ quan quản lý thuế chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

1.2.3.5. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Theo Quy trình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 và Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 công tác Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế gồm một số nội dung chính như: Xây dựng chỉ tiêu thu nợ, phân công quản lý nợ, phân loại tiền thuế nợ, đôn đốc thu nợ và áp dụng các biện pháp cưỡng chế tiền thuế nợ. Đây là hoạt động của cơ quan quản lý thuế nhằm đảm bảo huy động đầy đủ và kịp thời số tiền thuế cho NSNN, đảm bảo tỷ lệ nợ thuế đến thời điểm 31/12 hàng năm không vượt quá 8% so với tổng số thực thu vào NSNN của năm đó và không vượt quá 5% so với tổng số thực thu thuế, phí vào NSNN của năm đó.

1.2.3.6. Một số nội dung quản lý khác

- Công tác xử lý vi phạm pháp luật:

Hành vi vi phạm pháp luật về thuế của NNT gồm: Vi phạm các thủ tục thuế; chậm nộp tiền thuế; khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp; trốn thuế, gian lận thuế. Xử lý vi phạm pháp luật là biện pháp quan trọng trong công tác quản lý thuế nhằm răn đe đối với những NTT có các vi phạm thuế, qua đó góp phần giảm thiểu tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, chậm nộp tiền thuế.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

NNT có quyền khiếu nại đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế, người được giao nhiệm vụ trong công

tác quản lý thuế khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. NNT có quyền khiếu nại đối với các quyết định hành chính sau của cơ quan thuế: Quyết định ấn định thuế, miễn thuế, giảm thuế, xử phạt vi phạm hành chính thuế, các quyết định hành chính khác; Thông báo thuế... Đối với giải quyết khiếu nại lần đầu thì quyết định hành chính, hành vi hành chính của cấp nào thì thủ trưởng đơn vị cấp đó có trách nhiệm giải quyết; Đối với giải quyết khiếu nại lần hai thì thủ trưởng cấp trên trực tiếp của cơ quan có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại có trách nhiệm giải quyết. Cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thu không đúng cho NNT khi nhận được quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền.

1.2.4. Các tiêu chí đánh giá quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV

Để đánh giá được hiệu quả quản lý thuế GTGT đối với DNNVV cần phải có bộ tiêu chí về các chỉ tiêu định lượng và chỉ tiêu định tính, để đánh giá một cách trung thực, khách quan.

1.2.4.1. Chỉ tiêu định lượng

Đối với chỉ tiêu định lượng có thể đánh giá hiệu quả quản lý thuế GTGT đối với DNNVV thông qua một số chỉ tiêu sau:

* **Tỷ trọng thuế GTGT so với tổng số nộp NSNN:** Về cơ bản, hiệu quả thu thuế GTGT cao hay thấp sẽ được đánh giá thông qua tỷ trọng thuế GTGT so với tổng số nộp NSNN, khi tỷ trọng thuế GTGT trong tổng số thu từ thuế vào NSNN càng cao thì hiệu quả thu thuế GTGT càng cao và ngược lại. Tuy nhiên, nếu chỉ sử dụng chỉ tiêu này để đánh giá hiệu quả thu thuế GTGT thì chưa đủ vì khi tình hình kinh tế thuận lợi, hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được đẩy mạnh thì số thu từ thuế GTGT vào NSNN cao, ngược lại khi tình hình kinh tế gặp khó khăn sẽ dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp bị phá sản, hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngừng trệ, do đó sẽ làm giảm số thuế GTGT thu được trong giai đoạn này.

* **Tổng số thu thuế GTGT so với dự toán thu NSNN được giao:** Chỉ tiêu này dùng để phân tích, đánh giá công tác lập dự toán thu ngân sách hàng năm và khả năng thu Thuế GTGT của cơ quan thuế.

* **Chỉ số tuân thủ về kê khai thuế GTGT của NNT:** Bao gồm chỉ tiêu về số tờ khai thuế nộp đúng hạn trên số tờ khai thuế đã nộp và chỉ tiêu về số tờ khai thuế chưa nộp trên số tờ khai thuế phải nộp. Hai chỉ tiêu này phản ánh mức độ tuân thủ của NNT về thời gian nộp tờ khai thuế GTGT trong năm. NNT xác định đúng, đủ và kê khai nộp thuế GTGT kịp thời vào NSNN là một trong những cơ sở quan trọng để cơ quan thuế quản lý nguồn thu thuế GTGT, tránh gây thất thu cho NSNN.

* **Tỷ lệ nợ thuế GTGT của NNT so với tổng số thu thuế GTGT:** Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả công tác quản lý thu nợ thuế, chỉ tiêu này càng có tỷ lệ thấp thì hiệu quả quản lý thuế GTGT càng cao và ngược lại. Chỉ tiêu này cũng là cơ sở để cơ quan thuế đánh giá ý thức tuân thủ thực hiện nghĩa vụ NSNN của NNT và xây dựng các mục tiêu, chiến lược trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

* **Tỷ lệ số thuế truy thu thuế GTGT sau kiểm tra so với tổng số thu thuế GTGT:** Chỉ tiêu này đánh giá chất lượng của các cuộc kiểm tra và là cơ sở để đánh giá sự tự giác của NNT trong việc chấp hành chính sách, pháp luật thuế GTGT

1.2.4.2. Chỉ tiêu định tính

Ngoài các chỉ tiêu định lượng, có thể đánh giá sự hài lòng của NNT đối với sự phục vụ của cơ quan thuế trên các phương diện:

- + Đánh giá chung về sự phục vụ của cơ quan thuế đối với NNT;
- + Đánh giá theo lĩnh vực chức năng, nhiệm vụ như: công tác xây dựng chính sách, pháp luật; cung cấp dịch vụ công của cơ quan thuế; tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế; công tác thanh tra, kiểm tra thuế của cơ quan thuế; công tác xử lý khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

Các tiêu chí đánh giá có thể được phân loại theo các nhóm tiêu chí và mức độ như sau: Rất hài lòng, Hài lòng, Không hài lòng hoặc Rất tốt, Tốt, Bình thường, Không tốt hoặc Đáp ứng tốt, Đáp ứng một phần, Không đáp ứng.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục thuế

1.3.1. Nhân tố khách quan

1.3.1.1. Chính sách thuế

Hệ thống văn bản pháp luật về thuế GTGT có tác động trực tiếp đến quyền lợi của NNT càng quy định rõ ràng cụ thể bao nhiêu thì việc thu thuế của cơ quan thuế sẽ càng dễ dàng hơn. Nếu các văn bản về thuế GTGT quá phức tạp, quy định không rõ ràng, thủ tục hành chính về thuế rườm rà sẽ khó khăn cho cả công chức thuế và NNT. Vì vậy, muốn quản lý thuế GTGT được thuận lợi, khoa học thì yếu tố đầu tiên và quan trọng nhất đó là cần có hệ thống văn bản pháp luật về thuế GTGT hoàn thiện, thống nhất, chặt chẽ, rõ ràng và dễ hiểu. Ngược lại nếu các chính sách đó không phù hợp sẽ gây khó khăn trong công tác thu, thậm chí còn tạo ra nhiều kẽ hở dẫn đến thất thu thuế.

1.3.1.2. Điều kiện kinh tế

Nền kinh tế càng phát triển thì tỷ suất doanh lợi càng lớn (tức thu ngân sách sẽ lớn hơn chi ngân sách), làm cho nguồn tài chính càng lớn, nâng cao tỷ suất thu cho NSNN và ngược lại, khi kinh tế chậm phát triển, tỷ suất doanh lợi thấp làm giảm nguồn thu NSNN nói chung, Thuế GTGT của DNNV nói riêng.

1.3.2. Nhân tố thuộc về cơ quan thuế

1.3.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổ chức bộ máy thu thuế có vai trò rất quan trọng và ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản lý thuế. Một bộ máy thu thuế được tổ chức tốt sẽ tối ưu hóa quy trình thu thuế, đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong quá trình thu thuế; giúp giảm thiểu nguy cơ tham nhũng, gian lận trong quá trình quản lý, thu thuế và một bộ máy thu thuế được tổ chức tốt sẽ nâng cao năng lực công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan thuế đồng thời giúp bộ máy phản ứng linh hoạt trước các thay đổi của chính sách thuế và môi trường kinh tế, giúp cơ quan thuế có thể điều chỉnh kịp thời các chiến lược và biện pháp thu thuế phù hợp với tình hình thực tế. Như vậy, tổ chức bộ máy thu thuế là yếu tố quan trọng để xây dựng một hệ thống thuế hiệu quả, minh bạch và công bằng, do đó đòi hỏi cơ quan thuế phải thường xuyên xuyên kiện toàn công tác tổ chức để phù hợp với công tác quản lý thu thuế.

1.3.2.2. Công tác kiểm tra thuế

Công tác kiểm tra thuế có vai trò phát hiện các hành vi gian lận thuế, trốn thuế để áp dụng các biện pháp xử lý thích đáng. Đồng thời thông qua công tác kiểm tra thuế sẽ nâng cao ý thức chấp hành của NNT, đảm bảo công bằng giữa các doanh nghiệp và giúp cho cơ quan thuế phát hiện các kẽ hở trong chính sách để có những điều chỉnh, hoạch định chính sách thuế để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

1.3.2.3. Quy trình quản lý thu thuế

Quy trình quản lý thu thuế quy định trình tự, thủ tục các bước công việc thực hiện để quản lý thu thuế. Thông qua xây dựng các quy trình quản lý giúp cho cơ quan thuế chỉ đạo, điều hành hoạt động của cả hệ thống một cách thống nhất, khoa học, theo một trình tự hợp lý, đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật thuế, công khai, minh bạch để NNT và công chức thuế dễ thực hiện.

1.3.2.4. Cơ sở vật chất, kỹ thuật

Cơ sở vật chất, kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong công tác quản lý, thu thuế.

Đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ tin học vào quản lý sẽ giúp cho cơ quan thuế quản lý chặt chẽ, nhanh chóng, chính xác về thông tin NNT, số thuế phát sinh, số thuế đã nộp... hạn chế được tình trạng gian lận trốn thuế.

1.3.3. Nhân tố thuộc bản thân doanh nghiệp

1.3.3.1. Sự tuân thủ chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ, quan hệ thanh toán

Công tác kế toán, sử dụng hoá đơn, chứng từ ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu thuế GTGT. Việc thực hiện chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn, chứng từ trong toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh được coi là điều kiện bắt buộc thì công tác thu thuế nói chung, thuế GTGT mới đạt hiệu quả cao. Hình thức thanh toán trong nền kinh tế cũng ảnh hưởng đến công tác thu thuế GTGT. Việc thanh toán bằng tiền mặt như hiện nay đang gây khó khăn cho việc kiểm soát doanh thu của cơ quan thuế. Do đó, phải quy định bắt buộc hình thức thanh toán qua ngân hàng mới hạn chế được tình trạng trốn thuế, gian lận thuế

1.3.3.2. Trình độ hiểu biết về thuế và ý thức chấp hành pháp luật thuế của DNNVV:

Nếu các doanh nghiệp thực sự hiểu biết pháp luật về thuế, ý thức tự giác chấp hành chính sách thuế sẽ cao. Ngược lại, các doanh nghiệp sẽ không có thái độ rõ ràng trước các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, thậm chí còn thờ ơ, khuyến khích, đồng tình. Trước hết, các doanh nghiệp phải hiểu sâu sắc về nghĩa vụ thuế và quyền thụ hưởng lợi ích từ khoản tiền thuế mà mình đóng góp; hiểu rõ về nội dung chính sách và nghiệp vụ tính thuế GTGT, kê khai và nộp thuế GTGT; nhận thức đúng trách nhiệm pháp luật về nghĩa vụ phải kê khai nộp thuế của mình. Có như vậy tính tuân thủ, tự nguyện mới được đề cao trong việc kê khai, tính thuế và nộp thuế.

Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu của doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận. Do vậy, họ luôn tìm cách để tăng tối đa lợi nhuận và giảm tối thiểu chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Với việc cho rằng nộp thuế cho Nhà nước đã làm giảm đi quyền lợi vật chất mà lẽ ra họ được hưởng, cho nên vì lợi ích trước mắt và của riêng mình, họ luôn luôn có tư tưởng và hành động không tuân thủ pháp luật về thuế, tìm mọi cách để không phải nộp thuế hoặc nộp thuế với mức thấp nhất so với nghĩa vụ phải nộp theo quy định trong các luật thuế. Do đó, trình độ hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật thuế của NNT ảnh hưởng rất lớn đến công tác thu thuế nên công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về thuế là hết sức quan trọng và cần thiết để nâng cao ý thức chấp hành nghĩa vụ của NNT.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG

2.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Cao Bằng

** Đặc điểm tự nhiên:*

Cao Bằng là tỉnh biên giới, miền núi thuộc phía Đông Bắc của Tổ quốc; phía Bắc và Đông Bắc giáp với tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc, có đường biên giới dài trên 333 km; phía Tây giáp với tỉnh Hà Giang; phía Nam giáp tỉnh Bắc Kạn và phía Đông Nam giáp tỉnh Lạng Sơn. Thành phố Cao Bằng nằm giữa trung tâm tỉnh lỵ; phía Đông, phía Tây và phía Bắc giáp huyện Hoà An, phía Nam giáp huyện Thạch An và Hoà An. Thành phố Cao Bằng là trung tâm chính trị, kinh tế văn hóa xã hội của tỉnh; có diện tích tự nhiên 107,12 km² và khoảng 75.043 nhân khẩu, mật độ 700 người/km², có 11 đơn vị hành chính gồm 08 phường và 03 xã. (Niên giám thống kê năm 2022).

Địa hình khu vực thành phố Cao Bằng là dạng địa hình núi đá vôi xen lẫn núi đất, có độ cao trung bình trên 100 m; đất nông nghiệp chiếm: 2.520 ha, đất lâm nghiệp: 5.411 ha, đất chuyên dùng 1.612 ha, đất ở 652 ha. Tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn có các loại khoáng sản kim loại (sắt, đồng, niken), khoáng sản phi kim loại (đá, đất xây dựng, cát, sỏi).

** Cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội:*

Trong những năm qua, Đảng bộ thành phố đã chủ động đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, xác định chủ trương, biện pháp có tính chất đột phá phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương. Đảng bộ tập trung sức mạnh thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt là: chính trị ổn định, an ninh quốc phòng được đảm bảo, kỷ cương pháp luật được giữ vững; từ đó, tạo môi trường an toàn, thuận lợi thu hút các nguồn lực đầu tư, thúc đẩy KT-XH phát triển.

Theo công bố của Tổng cục Thống kê, quy mô nền kinh tế của thành phố Cao Bằng ngày càng được mở rộng, GRDP năm 2023 đạt 22.747 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người ước tính đạt 41,52 trđ, tăng 1,93 trđ so với năm 2022. Về cơ cấu trong quy mô nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4.824 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21,21%; khu vực công nghiệp và xây dựng đạt 4.133 tỷ đồng, chiếm 18,17%; khu vực dịch vụ đạt 12.928 tỷ đồng, chiếm 56,83%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 862 tỷ đồng, chiếm 3,79%.

Tuy nhiên, quản lý Nhà nước về kinh tế vẫn còn hạn chế, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa tạo được môi trường, điều kiện thuận lợi cần thiết để thu hút đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ, chưa quy hoạch phân vùng sản xuất thâm canh, sản xuất nông nghiệp xen kẽ đô thị; tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế chủ yếu còn chậm, thiếu bền vững chủ yếu dựa vào vốn đầu tư Nhà nước và hoạt động khai thác khoáng sản; chưa phát huy hết thế mạnh tại chỗ để phát triển kinh tế, chưa có sản phẩm đặc trưng có thương hiệu trên thị trường, do đó đã ảnh hưởng đến việc tăng thu NSNN tại địa phương.

2.1.2. Khái quát về Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng được thành lập theo quyết định số 315/QĐ-TCCB ngày 21/10/1990 của Bộ Tài chính về việc thành lập Chi cục thuế Nhà nước là tổ chức trong hệ thống hành chính Nhà nước trực thuộc Cục Thuế tỉnh Cao Bằng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp về nghiệp vụ và dự toán pháp lệnh của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng giao hàng năm và sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBND Thành phố. Chi cục Thuế là một bộ phận trong bộ máy của ngành thuế Nhà nước và được bố trí theo mô hình của Tổng cục Thuế quy định.

Với chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực quản lý thuế, phí và các khoản thu khác của NSNN thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế trên địa bàn thành phố Cao Bằng theo quy định của pháp luật.

Tổ chức thực hiện dự toán thu thuế hàng năm được giao; phân tích, đánh giá công tác quản lý thuế; tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về công tác lập và chấp hành dự toán thu NSNN; quản lý thuế đối với NNT thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế: đăng ký thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xoá nợ thuế..., đôn đốc NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN.

2.1.2.2. Bộ máy quản lý của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

**** Cơ cấu tổ chức***

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng có cơ cấu tổ chức gồm: Ban lãnh đạo (Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng), 03 đội thuế chức năng và 05 đội thuế liên phường, xã cụ thể:

+ Các đội thuế chức năng:

- Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ.

- Đội Nghiệp vụ Quản lý thuế (Tuyên truyền - Hỗ trợ; Nghiệp vụ - Dự toán; Kế khai - Kế toán thuế; Tin học; Trước bạ và thu khác).

- Đội Kiểm tra thuế (thực hiện nhiệm vụ Kiểm tra thuế và Quản lý nợ thuế).

+ Các đội thuế liên phường, xã:

- Đội thuế phường Hợp Giang;

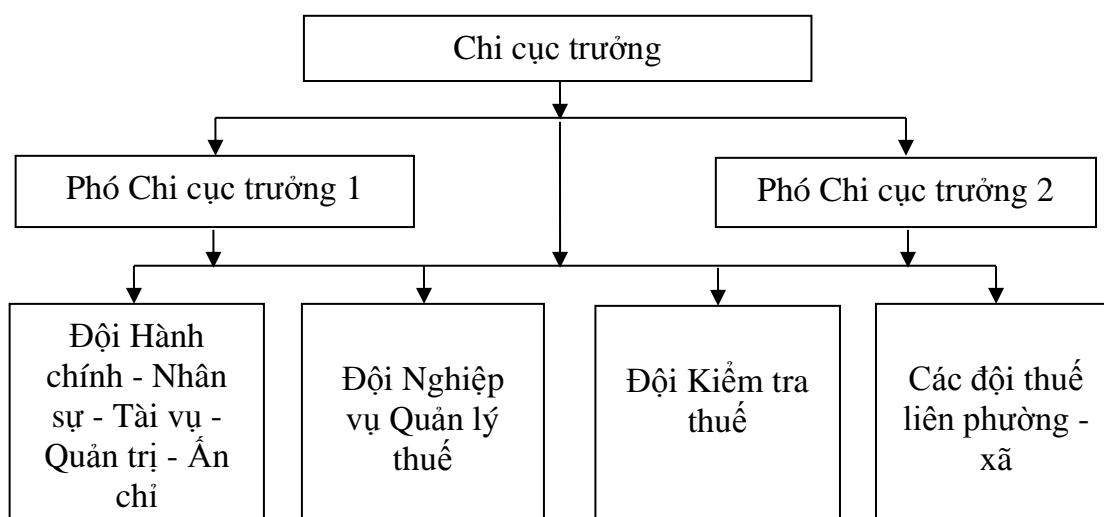
- Đội thuế phường Sông Hiến - Hoà Chung;

- Đội thuế phường Đề Thám - xã Vĩnh Quang - xã Hưng Đạo;

- Đội thuế phường Sông Bằng - Ngọc Xuân;

- Đội thuế phường Tân Giang - phường Duyệt Trung - xã Chu Trinh.

+ Sơ đồ về cơ cấu tổ chức bộ máy:



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục thuế thành phố Cao Bằng

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

+ Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận như sau:

- Chi cục trưởng: Chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thuế, Thành ủy và UBND thành phố Cao Bằng về toàn bộ hoạt động của Chi cục Thuế; quản lý, chỉ đạo, điều hành chung các hoạt động của đơn vị; trực tiếp phụ trách, chỉ đạo, điều hành Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ và lĩnh vực dự toán thu ngân sách (thuộc Đội Nghiệp vụ Quản lý thuế); lĩnh vực kiểm tra thuế (thuộc Đội Kiểm tra thuế).

- 02 Chi cục phó: Trực tiếp phụ trách Đội Nghiệp vụ Quản lý thuế, Đội Kiểm tra thuế (trừ lĩnh vực dự toán thu ngân sách; lĩnh vực kiểm tra thuế) và 05 đội thuế liên phường - xã, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng về lĩnh vực công tác được ủy quyền. Ngoài ra thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất khác do Chi cục trưởng giao.

- Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các Đội thuế như sau:

++ Đội nghiệp vụ quản lý thuế: Thực hiện hoạt động tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế, đăng ký thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, kế toán thuế, quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học; xây dựng và tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước được giao của Chi cục Thuế; Quản lý thu lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền sử dụng đất, tiền cấp quyền sử dụng đất, các khoản đầu giá về đất, tài sản, tiền thuê đất; phí, lệ phí và các khoản thu khác phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi Chi cục Thuế quản lý.

++ Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ: Thực hiện công tác văn thư lưu trữ; quản lý tài chính, nhân sự; quản lý ấn chỉ trong nội bộ Chi cục Thuế.

++ Đội Kiểm tra thuế: Thực hiện hoạt động kiểm tra việc tuân thủ pháp luật thuế của các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp; thực hiện hoạt động quản lý nợ thuế, cưỡng chế nợ thuế đối với người nộp thuế thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế.

++ Đội thuế liên phường, xã: Thực hiện quản lý thuế hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã, phường được phân công.

* *Nhân lực*

Tình hình nhân lực tại Chi cục thuế Cao Bằng trong giai đoạn 2021-2023 được tổng hợp theo bảng sau:

Bảng 2.1: Nhân sự của Chi cục Thuế Cao Bằng giai đoạn 2021-2023

Đơn vị: Người

STT	Nhân lực	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng nhân lực	65	70	70
2	Nhân lực theo vị trí			
2.1	Chi cục trưởng	1	1	1
2.2	Phó Chi cục trưởng	2	2	2
2.3	Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ	9	9	10
2.4	Đội Nghiệp vụ quản lý thuế	26	28	27
2.4.1	<i>Bộ phận Tuyên truyền và hỗ trợ NNT</i>	5	5	5
2.4.2	<i>Bộ phận Kế khai - Kế toán thuế và tin học</i>	10	13	13
2.4.3	<i>Bộ phận Quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác</i>	6	5	5
2.4.4	<i>Bộ phận Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế</i>	5	5	4

STT	Nhân lực	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
2.5	Đội Kiểm tra thuế	12	14	14
2.5.1	<i>Bộ phận Kiểm tra thuế</i>	8	10	10
2.5.2	<i>Bộ phận Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế</i>	4	4	4
2.6	Các Đội thuế liên xã, phường	15	16	16
3	Nhân lực theo cấp độ đào tạo			
3.1	Sau đại học	4	5	5
3.2	Đại học	49	53	52
3.3	Cao đẳng, trung cấp	12	12	12
3.4	Phổ thông	0 người	0 người	1

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Tổng số công chức, người lao động trong 3 năm từ 2021-2023 của Chi cục không có nhiều biến động năm 2021 là 65 người, năm 2022 là 70 người và năm 2023 là 70 người.

Nhân lực theo vị trí: số lượng Chi cục trưởng và Phó chi cục trưởng trong 3 năm không thay đổi gồm 03 người. Các vị trí khác số lượng thay đổi không đáng kể, năm 2022, Đội nghiệp vụ quản lý thuế tăng thêm 02 người (*Bộ phận kê khai - Kế toán thuế và tin học tăng thêm 03 người, từ 10 người lên 13 người; Bộ phận quản lý thu lệ phí trước bạ và thu khác giảm 01 người từ 06 người xuống còn 05 người*); Đội Kiểm tra thuế tăng 02 người, từ 12 người lên 14 người (*Bộ phận Kiểm tra thuế tăng 02 người*) và các Đội thuế liên xã, phường tăng lên 01 người, từ 15 người lên 16 người. Năm 2023, Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ tăng thêm 01 người, từ 09 người lên 10 người; Đội Nghiệp vụ quản lý thuế giảm 01 người, từ 28 người xuống còn 27 người (*Bộ phận Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế giảm 01 người, từ 05 người xuống còn 04 người*). Về cơ bản, số lượng công chức thuế tại Chi cục hoạt động ổn định, không có sự biến động lớn hàng năm cho các vị trí. Tuy nhiên, Bộ phận kiểm tra thuế năm 2021 chỉ chiếm 12,3% trên tổng số biên chế của Chi cục Thuế (8 người/65 người); năm 2022 và năm 2023 chỉ chiếm 14,3% trên tổng số biên chế của Chi cục Thuế (10 người/70 người) chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu là 30% trên tổng biên chế theo quy định.

Nhân lực theo trình độ chuyên môn: phần lớn lao động trong Chi cục có trình độ đại học và trên đại học. Cụ thể lao động có trình độ sau đại học năm 2021 là 04 người; năm 2021 và năm 2023 là 05 người; trình độ đại học năm 2021 là 49 người, năm 2022 là 53 người tăng 04 người so với năm 2021 và năm 2023 là 52 người giảm 01 người so với năm 2022 và tăng 03 người so với năm 2021. Số lượng nhân lực có trình độ cao

đẳng, trung cấp không có biến động từ năm 2021 đến năm 2023 là 13 người. Ngoài ra, năm 2023, Chi cục còn có thêm 01 lao động phổ thông làm bảo vệ. Nhìn chung nhân lực tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng có trình độ sau đại học và đại học chiếm tỷ trọng khoảng 82% trên tổng số biên chế đây là điều kiện thuận lợi cho công tác bố trí, sắp xếp nhận sự tại các bộ phận chuyên môn của Chi cục.

2.1.2.3 Kết quả hoạt động của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

Chi cục Thuế Thành phố luôn chủ động, tích cực triển khai các giải pháp trong công tác thu NSNN theo sự chỉ đạo của cơ quan thuế cấp trên, đặc biệt là các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh cải cách hành chính tạo thuận lợi cho người nộp thuế; đồng thời Chi cục Thuế nhận được sự chỉ đạo sát sao của Thành ủy, UBND Thành phố Cao Bằng, công tác phối hợp của các phòng, ban, sự nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và sự quyết tâm phấn đấu thực hiện nhiệm vụ của tập thể công chức, người lao động Chi cục Thuế thành phố; công tác thu ngân sách giai đoạn 2021-2023 đạt được kết quả như sau:

**Bảng 2.2: Kết quả thu NSNN tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng
giai đoạn 2021-2023**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán		Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với dự toán (%)		So với cùng kỳ (%)
		Dự toán pháp lệnh	Dự toán HĐND tỉnh		Dự toán Pháp lệnh	Dự toán HĐND tỉnh	
1	Năm 2021	337.716	521.180	375.077	111,1%	72,0%	92,8%
	<i>Trong đó: thuế GTGT</i>	<i>114.700</i>	<i>116.000</i>	<i>108.843</i>	<i>94,9%</i>	<i>93,8%</i>	<i>111,8%</i>
2	Năm 2022	326.205	403.000	308.514	94,6%	76,6%	82,2%
	<i>Trong đó: thuế GTGT</i>	<i>114.419</i>	<i>116.730</i>	<i>67.043</i>	<i>58,6%</i>	<i>57,4%</i>	<i>61,5%</i>
3	Năm 2023	308.575	413.400	327.281	106,1%	79,2%	82,2%
	<i>Trong đó: thuế GTGT</i>	<i>82.116</i>	<i>102.835</i>	<i>84.819</i>	<i>103,3%</i>	<i>82,5%</i>	<i>126,5%</i>

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Qua số liệu thu của 03 năm từ năm 2021 đến năm 2023 thấy rằng: Tỷ lệ giao thu giảm, năm 2022 giảm 3,4% so với năm 2021, năm 2023 giảm 5,4% so với năm 2022; Về thực hiện kế hoạch thu hàng năm có 02 năm hoàn thành dự toán pháp lệnh

(năm 2021 và năm 2023) và cả ba năm 2021, 2022, 2023 không hoàn thành dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tuy, số thu NSNN chỉ đáp ứng một phần trong cân đối thu - chi ngân sách của thành phố nhưng đã góp phần làm tăng tính tuân thủ pháp luật, công bằng xã hội và góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn thành phố Cao Bằng. Kết quả cụ thể như sau:

- Kết quả thu NSNN năm 2021 đạt 375.072 triệu đồng bằng 111,1% so với dự toán Pháp lệnh, bằng 72,0% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh và bằng 92,8% so với cùng kỳ năm 2020.

- Kết quả thu NSNN năm 2022 đạt 308.514 triệu đồng bằng 94,6% dự toán Pháp lệnh, bằng 76,6% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh, bằng 82,2% so với cùng kỳ năm 2021.

- Kết quả thu NSNN năm 2023 đạt 327.281 triệu đồng, bằng 103,5% dự toán Pháp lệnh, bằng 79,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh và bằng 106,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Nguyên nhân dẫn tới kết quả thu ngân sách không đạt được dự toán của Hội đồng nhân dân tỉnh giao chủ yếu là do trong giai đoạn năm 2021-2023, đại dịch Covid-19 kéo dài khiến cho doanh nghiệp đối diện với nhiều khó khăn và có xu hướng thu hẹp quy mô sản xuất, hoạt động kinh doanh; người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu. Mặt khác, các chính sách về miễn thuế, giảm thuế, gia hạn tiền thuế mà Chính phủ đã ban hành để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ NNT trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến công tác thu NSNN trên địa bàn.

2.2. Quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.2.1. Quản lý căn cứ tính thuế GTGT

+ Số lượng DNNVV được phân công quản lý: Những năm qua số lượng DNNVV trên địa bàn phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cao Bằng. Lũy kế đến thời điểm 31/12/2023 Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng được phân công quản lý thuế GTGT đối với 744 DNNVV, theo loại hình, ngành nghề được phân loại như sau:

Bảng 2.3: Lũy kế số lượng DNNVV giai đoạn 2021-2023

TT	Chỉ tiêu	Số lượng			So sánh (+, -)			
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2022/2021		2023/2022	
					Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Tổng	579	670	744	91	15,7	74	11,0
II	Theo loại hình							
1	Công ty cổ phần	78	87	94	9	111,5	7	108,0
2	Công ty TNHH	451	526	590	75	116,6	64	112,2
3	Doanh nghiệp tư nhân	50	57	60	7	114,0	3	105,3
II	Theo ngành							
1	Sản xuất	34	34	38	0	100,0	4	111,8
2	Thương mại	134	153	171	19	114,2	18	111,8
3	Dịch vụ	244	287	332	43	117,6	45	115,7
4	Xây dựng	143	145	152	2	101,4	7	106,2
5	Ngành nghề khác	24	51	51	27	212,5	0	96,1

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Bảng 2.4: Số lượng DNNVV phát sinh mới, ngừng hoạt động giai đoạn 2021-2023

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023		
		Điều chuyển từ Cục Thuế	Phát sinh mới	Ngừng hoạt động	Điều chuyển từ Cục Thuế	Phát sinh mới	Ngừng hoạt động	Điều chuyển từ Cục Thuế	Phát sinh mới	Ngừng hoạt động
I	Tổng	30	12	15	66	41	16	50	39	15
1	Công ty cổ phần	5	2	1	8	4	3	6	5	4
2	Công ty TNHH	18	6	8	48	34	7	36	31	8
3	Doanh nghiệp tư nhân	7	4	6	10	3	6	8	3	3

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Qua số liệu ở Bảng 2.3 ta thấy số lượng các DNNVV Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng được phân công quản lý Thuế GTGT đều tăng qua các năm, lũy kế đến ngày 31/12 hàng năm như sau: năm 2021 là 579 DNNVV, năm 2022 là 670 DNNVV (về số lượng tăng 91 DNNVV, về tỷ lệ tăng 15,7% so với năm 2021), đến năm 2023 số lượng là 744 DNNVV (về số lượng tăng 74 DNNVV, về tỷ lệ tăng 11,0% so với năm 2022). Theo ngành thì ngành thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 67%, theo loại hình chiếm tỷ trọng lớn nhất là Công ty TNHH khoảng 78%. Tuy nhiên, DNNVV do Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng quản lý có vốn điều lệ và năng lực tài chính thấp, công nghệ chưa được đầu tư một cách bài bản, chi phí sản xuất cao nên sức cạnh tranh còn yếu và mức đóng viên thuế GTGT vào ngân sách còn hạn chế.

+ Về tình hình quản lý căn cứ tính thuế: Căn cứ tính Thuế GTGT bao gồm giá tính thuế GTGT đầu vào, giá tính thuế GTGT đầu ra và thuế suất thuế GTGT, do đó số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nói chung và DNVVV nói riêng tỷ lệ thuận với doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ. Vì vậy, để quản lý tốt số thuế GTGT phải nộp của DNVVV thì Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cần phải quản lý tốt căn cứ tính thuế GTGT đó là giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào; giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra (doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra) và thuế suất:

- Thuế suất:

Thuế suất thuế GTGT là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp. Vì vậy, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng luôn chú trọng, đưa ra các biện pháp rà soát, đối chiếu thuế suất thuế GTGT của doanh nghiệp kê khai nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp khai sai thuế suất theo quy định. Tuy nhiên, một số DNVVV đôi khi vẫn áp dụng sai thuế suất thuế GTGT đối với một số nhóm hàng, nhất là đối với các trường hợp phải phân bổ doanh thu chịu thuế và không chịu thuế GTGT dẫn đến làm sai lệch thuế GTGT đầu ra, từ đó làm giảm thuế GTGT phải nộp.

- Hóa đơn:

Từ ngày 01/7/2022, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh bắt buộc phải sử dụng hóa đơn điện tử (HĐĐT) theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT- BTC của Bộ Tài chính. Trước đây, đã có nhiều văn bản pháp lý được ban hành để đưa việc quản lý hoá đơn vào khuôn khổ như: Nghị định 51/2010/NĐ-CP quy định về hoá đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng HĐĐT; Nghị định 119/2018/NĐ-CP quy định về HĐĐT khi bán hàng, cung cấp dịch vụ... nhưng chỉ đến khi Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ra đời quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử thì tầm quan trọng của việc chuyển đổi số đối với công tác quản lý hóa đơn, chứng từ mới được khẳng định.

Xác định triển khai áp dụng hoá đơn điện tử là một nhiệm vụ trọng tâm nhằm thúc đẩy trong chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh cũng như trong các cơ quan Nhà nước, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã tập trung mọi nguồn lực để triển khai hóa đơn điện tử, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến lợi ích của việc áp dụng hóa đơn điện tử tới đông đảo NNT. Đến ngày 01/7/2022, 100% các DNVVV do Chi cục Thuế thành phố quản lý đã sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định.

Việc triển khai hệ thống HĐĐT cùng lúc mang lại nhiều lợi ích: Đối với cơ quan thuế đó là thực hiện quản lý thuế trên nền tảng số, phục vụ đắc lực cho công cuộc chuyển

đổi số; còn đối với doanh nghiệp, việc áp dụng HĐĐT giúp giảm thiểu chi phí in ấn, vận chuyển, lưu trữ hóa đơn; giảm tối đa thời gian làm các thủ tục đăng ký, thông báo, báo cáo, lập tờ khai sử dụng hóa đơn; phòng ngừa hiệu quả tình trạng bị làm giả hóa đơn. Ngoài ra, sử dụng HĐĐT còn góp phần minh bạch trong giao dịch mua bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ...

Mặc dù 100% các DNNVV đã sử dụng hóa đơn điện tử, tuy nhiên tình trạng người mua hàng không có thói quen lấy hóa đơn và người bán hàng không xuất hóa đơn vẫn diễn ra tương đối phổ biến trên địa bàn. Việc người mua hàng không lấy hóa đơn vô tình tiếp tay cho một số doanh nghiệp làm ăn thiếu đúng đắn. Nếu người tiêu dùng mua hàng không lấy hóa đơn thì hóa đơn đó nhiều khả năng lại được xuất khống cho một giao dịch khác để hợp thức hóa chi phí. Trong khi đó, khi người bán không xuất hóa đơn, giao dịch đó không được ghi nhận vào doanh thu bán hàng, nên dẫn đến thất thu thuế. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn đã lợi dụng việc này để mua hóa đơn, hợp thức hóa thuế GTGT đầu vào để được khấu trừ, trốn thuế, tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh với các doanh nghiệp, tổ chức tuân thủ đúng pháp luật về thuế, từ đó ảnh hưởng tới môi trường kinh doanh nói chung và gây thất thu Thuế GTGT cho NSNN.

Kết quả kê khai thuế GTGT của DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố giai đoạn 2021-2023 như sau:

Bảng 2.5: Thuế GTGT phát sinh phải nộp của DNNVV giai đoạn 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thuế GTGT phát sinh phải nộp trong kỳ			So sánh (%)		
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2022/2021	2023/2022	2023/2021
I	Tổng	53.779	49.209	54.173	91,5	110,1	100,7
II	Theo loại hình						
1	Công ty cổ phần	8.908	7.014	8.753	78,7	124,8	98,3
2	Công ty TNHH	43.689	41.052	43.876	94,0	106,9	100,4
3	Doanh nghiệp tư nhân	1.183	1.144	1.544	96,7	135,0	130,5
III	Theo ngành						
1	Sản xuất	1.825	1.608	3.501	88,1	217,7	191,9
2	Thương mại	9.578	9.359	9.468	97,7	101,2	98,9
3	Dịch vụ	21.990	18.019	20.246	81,9	112,4	92,1
4	Xây dựng	18.778	18.640	18.905	99,3	101,4	100,7
5	Ngành nghề khác	1.609	1.583	2.053	98,4	129,6	127,6

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

- Thuế GTGT phát sinh phải nộp:

Trong giai đoạn 2021-2023 số thuế GTGT phát sinh phải nộp của DNNVV là 157.161 triệu đồng. Trong đó, năm 2021 là 53.779 triệu đồng; năm 2022 là 49.209 triệu đồng, bằng 91,5% so với năm 2021; năm 2023 là 54.173 triệu đồng bằng 110,1% năm 2022 và bằng 100,7% so với năm 2021.

Qua bảng số liệu cho thấy về tổng thể số thuế GTGT phát sinh phải nộp giai đoạn 2021-2023 có xu hướng tăng lên, tuy nhiên 02 nhóm ngành thương mại và dịch vụ có số thuế GTGT phát sinh phải nộp chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 55%) số thuế GTGT phát sinh phải nộp lại có xu hướng giảm:

+ Ngành thương mại: Số thuế GTGT phát sinh phải nộp năm 2021 là 21.990 triệu đồng; năm 2022 là 9.359 triệu đồng, giảm 2,3% so với năm 2021; năm 2023 là 9.468 triệu đồng, tăng 1,2% so với năm 2022, tuy nhiên giảm 1,1% so với năm 2021.

+ Ngành dịch vụ: Số thuế GTGT phát sinh phải nộp năm 2021 là 9.578 triệu đồng; năm 2022 là 18.019 triệu đồng, giảm 18,1% so với năm 2021; năm 2023 là 20.246 triệu đồng, tăng 12,4% so với năm 2022, tuy nhiên giảm 7,9% so với năm 2021.

Nhìn chung, qua số thuế GTGT phát sinh phải nộp giai đoạn 2021-2023 có thể thấy công tác quản lý căn cứ tính thuế GTGT tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như 100% DNNVV đã sử dụng HĐĐT, thường xuyên rà soát việc áp dụng thuế suất các mặt hàng qua đó số thuế GTGT phát sinh phải nộp có xu hướng tăng lên qua các năm. Tuy nhiên công tác quản lý doanh thu tại một số ngành, lĩnh vực chưa được tốt như kinh doanh xăng dầu, vận tải, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, siêu thị ... vẫn còn thất thu thuế nguyên nhân chính là do chưa có biện pháp hữu hiệu để khuyến khích người tiêu dùng khi mua hàng hóa, dịch vụ phải yêu cầu người bán xuất hóa đơn.

2.2.2. Quản lý công tác kê khai, nộp thuế GTGT

Thực hiện cơ chế quản lý thuế theo hình thức tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm nhằm giảm gánh nặng về thủ tục hành chính thì doanh nghiệp phải tự chủ trong việc thực hiện chức năng tự đánh giá và kê khai thuế, tự nộp thuế vào NSNN; Trách nhiệm của Chi cục Thuế là hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền cho các doanh nghiệp hiểu rõ và tự giác thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, đồng thời giám sát, kiểm tra việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp để phát hiện, xử lý kịp thời hành vi gian lận thuế, trốn thuế.

Từ khi triển khai phương thức kê khai, nộp thuế điện tử, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã rà soát lập danh sách mời doanh nghiệp tham gia, tuyên truyền về sự thuận tiện của việc kê khai, nộp thuế điện tử, tổ chức tập huấn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp và tiếp nhận phản hồi những khó khăn, vướng mắc trong quá trình kê khai thuế. Qua

quá trình triển khai, thực hiện đến nay, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã thực hiện tiếp nhận thông tin về thuế qua hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt cho các doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử, do đó 100% DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố đã thực hiện kê khai thuế điện tử.

Nhìn chung, kể từ khi thực hiện quản lý thuế theo cơ chế tự khai, tự nộp thực hiện kê khai thuế điện tử tỷ lệ nộp hồ sơ thuế GTGT đúng hạn của các DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng tương đối tốt bình quân khoảng 97,6%. Cụ thể:

Bảng 2.6: Số tờ khai thuế GTGT phải nộp trong giai đoạn từ 2021-2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số tờ khai phải nộp		
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số tờ khai phải nộp trong năm	Lượt	3.242	3.752	4.166
2	Số TK đã nộp	Lượt	3.208	3.711	4.118
3	Số TK chưa nộp	Lượt	34	41	48
4	Tỷ lệ nộp TK (%)	%	98,94%	98,91%	98,85%
5	Số TK nộp đúng hạn	Lượt	3.145	3.665	4.080
6	Tỷ lệ nộp TK đúng hạn (%)	%	97,01%	97,69%	97,93%
7	Số TK chậm nộp	Lượt	63	46	38

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Tỷ lệ DNNVV nộp tờ khai đúng hạn, đúng biểu mẫu quy định năm 2021 là 97,01%; năm 2022 là 97,69%; năm 2023 là 97,93%. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng các DNNVV chưa nộp tờ khai thuế, chậm nộp tờ khai thuế GTGT và kê khai thuế GTGT đầu vào không đủ điều kiện khấu trừ như: Kê khai khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ không phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế; trị giá hàng hóa trên hai mươi triệu đồng hoặc mua nhiều lần trong cùng một ngày của một nhà cung cấp có tổng giá trị trên hai mươi triệu đồng nhưng không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng; khai trùng hóa đơn đầu vào...

Số thuế GTGT của DNNVV nộp vào ngân sách nhà nước giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023 là 140.099 triệu đồng. Cụ thể:

Bảng 2.7: Thuế GTGT nộp vào NSNN của DNNVV giai đoạn 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thuế GTGT đã nộp vào NSNN			So sánh (%)		
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	2022/2021	2023/2022	2023/2021
I	Tổng	48.888	40.071	48.570	82,0	121,2	99,3
1	Công ty cổ phần	8.344	7.888	7.932	94,5	100,6	95,1
2	Công ty TNHH	38.375	30.096	38.556	78,4	128,1	100,5
3	Doanh nghiệp tư nhân	2.169	2.087	2.081	96,2	99,7	96,0

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Qua bảng số liệu cho thấy số tiền GTGT của các DNNVV nộp vào NSNN giai đoạn 2021-2023 có xu hướng giảm: năm 2021 số nộp NSNN là 48.888 triệu đồng; năm 2022 số nộp NSNN là 40.071 triệu đồng, bằng 82,0% năm 2022; năm 2023 số nộp NSNN là 48.570 triệu đồng, bằng 121,2% so với năm 2022, tuy nhiên chỉ bằng 99,3% so với năm 2021.

Để đánh giá việc cung cấp các dịch vụ công, học viên đã tiến hành phát phiếu khảo sát đối với 50 DNNVV nhằm đánh giá công tác quản lý kê khai, nộp thuế của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đối với DNNVV. Kết quả các DNNVV đánh giá như sau:

Bảng 2.8. Kết quả khảo sát đánh giá của DNNVV về công tác quản lý kê khai thuế, nộp thuế

TT	Nội dung đánh giá	Số DNNVV đánh giá	Kết quả đánh giá										
			Số DNNVV đánh giá				Tỷ lệ (%)						
			Rất tốt	Tốt	Bình thường	Không tốt	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Không tốt			
1	Sự phù hợp và thuận tiện trong kê khai, nộp thuế bằng hình thức điện tử đối với DNNVV	50	38	8	4					76,0%	16,0%	8,0%	0,0%
2	Phần mềm hỗ trợ kê khai, nộp thuế điện tử có tiện lợi, dễ sử dụng	50	35	10	2	3				70,0%	20,0%	4,0%	6,0%
3	Các mẫu biểu kê khai, nộp thuế điện tử có kịp thời so với sự thay đổi của chính sách thuế	50	29	11	6	4				58,0%	22,0%	12,0%	8,0%
4	Công chức thuế có trách nhiệm, nhiệt tình hướng dẫn kê khai, nộp thuế	50	21	14	10	5				42,0%	28,0%	20,0%	10,0%
5	Nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của DNNVV có được hạch toán kịp thời, chính xác	50	28	10	8	4				56,0%	20,0%	16,0%	8,0%

(Nguồn Học viên khảo sát đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố)

Công tác quản lý kê khai thuế, nộp thuế nhìn chung được đánh giá tương đối tốt, đa phần các DNNVV đều đánh giá cơ quan thuế đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh

nghiệp, các quy trình quản lý kê khai, nộp thuế được Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng thực hiện đúng quy định, DNNVV đánh giá việc kê khai thuế điện tử qua mạng internet hiện nay là phù hợp với doanh nghiệp, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế, nộp thuế điện tử dễ sử dụng, tiện lợi; mẫu biểu được cập nhật kịp thời. Tuy nhiên, nội dung đánh giá về trách nhiệm và mức độ nhiệt tình của công chức hướng dẫn người nộp thuế, kết quả đánh giá không tốt tỷ lệ tương đối cao 10%.

2.2.3. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Xác định tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuế có vai trò rất quan trọng, vì vậy trong những năm qua, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật thuế theo từng tháng, quý và thực hiện công tác tuyên truyền về thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng như phối hợp với Đài Phát thanh thành phố Cao Bằng, Truyền hình Cao Bằng; Tuyên truyền bằng hình thức in ấn tờ rơi, băng rôn, khẩu hiệu, các ấn phẩm tuyên truyền; cung cấp các văn bản chính sách chế độ mới, hướng dẫn về thuế cho NNT... Đặc biệt là tuyên truyền thông qua các hội nghị tập huấn, đối thoại, tuyên dương NNT.

Trong giai đoạn năm 2021-2023, công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã góp phần tích cực, từng bước đưa chính sách thuế vào cuộc sống để từ đó nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế cho NNT.

Bảng 2.9: Kết quả công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng từ năm 2021-2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
A	Công tác tuyên truyền				
1	Số buổi phát trên truyền hình	Buổi	4	6	5
2	Số buổi phát trên đài phát thanh	Buổi	50	80	105
3	Số bài đăng trên báo, tạp chí	Bài	3	5	4
4	Số biển quảng cáo, pa nô, áp phích	Biển	10	12	16
B	Hỗ trợ đối tượng nộp thuế				
1	Trả lời bằng điện thoại	Lượt	246	258	363
2	Trả lời trực tiếp	Lượt	624	634	656
3	Trả lời bằng văn bản	Lượt	11	10	15
4	Tập huấn doanh nghiệp	Lượt	3	2	3
6	Tổ chức đối thoại với doanh nghiệp	Lượt	1	1	1

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Từ năm 2021 đến năm 2023, Chi cục Thuế thành phố đã tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế mới như tuyên truyền về Luật Quản lý thuế, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các nghị định, thông tư hướng dẫn. Ngoài ra, Chi cục Thuế thành phố còn tuyên dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế... Phối hợp với Đài Phát thanh thành phố Cao Bằng, phát thanh 135 buổi và Truyền hình Cao Bằng, truyền hình 15 buổi về hoạt động của ngành, các chính sách thuế sửa đổi bổ sung và được ưu đãi, gia hạn, miễn giảm; nêu gương điển hình thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, trả lời chính sách thuế... Công tác hỗ trợ NNT được tăng cường, chú trọng hơn thể hiện qua kết quả số lượt trả lời điện thoại, trả lời trực tiếp, bằng văn bản hay tập huấn... đều tăng qua các năm.

Ngoài ra, Chi cục Thuế thành phố tiếp tục đẩy mạnh cải cách hiện đại hóa ngành thuế, niêm yết công khai các thủ tục hành chính, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết các yêu cầu, thủ tục hành chính cho NNT, triển khai kê khai thuế điện tử. Thực hiện quản lý thuế theo hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

Qua số liệu về kết quả tuyên truyền giai đoạn từ năm 2021-2023 có thể thấy mặc dù công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT đã đa dạng về hình thức nhưng số lượng các buổi tuyên truyền trên truyền hình chưa nhiều đặc biệt là công tác tập huấn đối thoại với doanh nghiệp còn rất hạn chế giai đoạn 2021-2023 mới tổ chức được 08 lượt tập huấn và 03 lượt đối thoại với doanh nghiệp.

Qua số liệu tổng hợp từ 50 phiếu khảo sát DNNVV trên địa bàn công tác tuyên truyền hỗ trợ tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng được đánh giá thông qua kết quả tại Bảng 2.9 như sau:

Bảng 2.10: Đánh giá của DNNVV đối với công tác tuyên truyền, hỗ trợ tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

STT	Nội dung đánh giá	Số DNNVV đánh giá	Kết quả đánh giá					
			Số DNNVV			Tỷ lệ (%)		
			Đáp ứng tốt	Đáp ứng một phần	Không đáp ứng	Đáp ứng tốt	Đáp ứng một phần	Không đáp ứng
1	Thủ tục hành chính thuế được công khai minh bạch trên Website và tại trụ sở cơ quan thuế	50	45	5		90,0%	10,0%	0,0%
2	Công tác TTHT, tập huấn, đối thoại có đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp	50	18	27	5	36,0%	54,0%	10,0%
3	Việc giải đáp các vướng mắc về thuế cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời	50	41	8	1	82,0%	16,0%	2,0%
4	Thái độ của công chức lịch sự, tận tình, trách nhiệm	50	44	4	2	88,0%	8,0%	4,0%
5	Công chức nắm rõ nghiệp vụ, hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu	50	42	7	1	84,0%	14,0%	2,0%

(Nguồn Học viên khảo sát đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố)

Như vậy, đối với công tác tuyên truyền, hỗ trợ tại Chi cục Thuế thành phố đa phần các dịch vụ cung cấp cho DNNVV được đánh giá tốt và phù hợp, tuy nhiên còn nội dung Công tác TTHT, tập huấn, đối thoại về thuế được đánh giá là chưa đầy đủ, kịp thời có 27/50 DNNVV đánh giá đáp ứng một phần và 5/50 DNNVV đánh giá không đáp ứng. Chi cục Thuế thành phố cần chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và khắc phục trong thời gian tới.

Quá trình quản lý đối với doanh nghiệp cho thấy cơ bản công tác tuyên truyền, hỗ trợ có tác động tốt đối với NNT, nhiều NNT sau khi được tập huấn hỗ trợ thực hiện tốt chính sách thuế, không vi phạm. Tuy nhiên còn một số vấn đề thuộc bản thân NNT phải khắc phục như nhiều DNNVV chưa thường xuyên kiểm tra hòm thư nên thông tin cơ quan thuế gửi đến không được xử lý kịp thời, một số DNNVV khi cơ quan thuế tổ chức tập huấn, đối thoại mời không đến dự hoặc đến nhưng không tham gia hết các nội dung nên khi kê khai, nộp thuế còn nhiều sai sót. Như vậy, không phải chỉ cơ quan thuế phải hoàn thiện hơn công tác tuyên truyền mà cũng cần NNT hợp tác tốt hơn, tích cực hơn và ý thức hơn thì công tác tuyên truyền hỗ trợ mới đạt hiệu quả cao.

2.2.4. Công tác kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế là công tác thường xuyên của cơ quan thuế các cấp bao gồm hai hình thức: Kiểm tra tại trụ sở NNT và kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan Thuế quản lý.

** Kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế*

Trong những năm qua, Chi cục thuế thành phố luôn xác định công tác kiểm tra là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý thuế. Đối với doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro về thuế, Chi cục Thuế tiến hành kiểm tra để thực hiện quản lý chặt chẽ công tác kê khai thuế của doanh nghiệp nhằm kịp thời chấn chỉnh các sai phạm và xử lý nghiêm các hành vi trốn thuế, gian lận thuế, lợi dụng kẽ hở chính sách thuế để chiếm đoạt tiền NSNN, góp phần hạn chế tình trạng thất thu thuế nói chung và thất thu thuế GTGT nói riêng tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

Bảng 2.11: Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT giai đoạn 2021 - 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số cuộc thực hiện kiểm tra	Cuộc	35	38	42
2	Số thuế GTGT giảm khấu trừ sau kiểm tra	Triệu đồng	280,3	315,6	366,2
3	Số thuế GTGT truy thu, xử phạt sau kiểm tra	Triệu đồng	555,2	861,5	1.376,3

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Qua bảng số liệu cho thấy: Thông qua việc tiến hành kiểm tra đã thu được số tiền truy thu, xử phạt ngày một gia tăng, cụ thể:

Số thuế GTGT giảm khấu trừ sau kiểm tra năm 2021 là 280,3 triệu đồng, Năm 2022 là 315,6 triệu đồng tăng 12,6% so với năm 2021, năm 2023 là 366,2 triệu đồng tăng 16,0% so với năm 2022 và tăng 30,6% so với năm 2021.

Số thuế GTGT truy thu, xử phạt sau kiểm tra năm 2021 là 280,3 triệu đồng, Năm 2022 là 861,5 triệu đồng tăng 55,2% so với năm 2021, Năm 2023 là 1.367,3 triệu đồng tăng 59,8% so với năm 2022 và tăng 147,9% so với năm 2021.

Thông qua công tác kiểm tra, cơ quan Thuế đã truy thu và xử phạt hành vi vi phạm của NNT, vừa mang tính chất răn đe, vừa đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong quản lý thuế, đồng thời đảm nguồn lực cho ngân sách địa phương. Kiểm tra thuế cũng giúp phòng chống gian lận thuế và tăng cường sự tuân thủ pháp luật thuế từ phía các doanh nghiệp. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng giai đoạn 2021-2023 số thuế truy thu, xử phạt thuế GTGT đều tăng qua các năm điều đó chứng tỏ việc chấp hành pháp luật thuế của các DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa thực sự tốt.

** Kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế quản lý*

Chi cục Thuế thành phố đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra giám sát kê khai, khấu trừ thuế hàng năm theo đúng quy định của pháp luật thuế, trong đó chú trọng việc kiểm tra hồ sơ khai thuế ngay tại trụ sở cơ quan thuế.

Bảng 2.12: Kết quả kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	2023
1	Số lượng doanh nghiệp được kiểm tra	315	321	398
2	Số hồ sơ yêu cầu giải trình, điều chỉnh	146	185	218
3	Số thuế GTGT nộp bổ sung sau kiểm tra	199,2	284,4	309,5

(Nguồn Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng)

Qua bảng số liệu ta thấy thông qua việc kiểm tra số lượng hồ sơ yêu cầu giải trình, điều chỉnh và số thuế GTGT nộp bổ sung của các đơn vị được kiểm tra qua các năm đều tăng lên, cụ thể: Trong năm 2021 thực hiện kiểm tra 315 đơn vị đã yêu cầu giải trình, điều chỉnh tại cơ quan thuế 146 hồ sơ và nộp bổ sung thuế GTGT 199,2 triệu đồng;

Năm 2022 đã thực hiện kiểm tra 321 đơn vị, yêu cầu giải trình, điều chỉnh tại cơ quan thuế 185 hồ sơ và nộp bổ sung thuế GTGT 284,4 triệu đồng; năm 2023 đã thực hiện kiểm tra 398 đơn vị, yêu cầu giải trình, điều chỉnh tại cơ quan thuế 218 hồ sơ và nộp bổ sung thuế GTGT 309,5 triệu đồng.

Thông qua công tác kiểm tra thuế giai đoạn 2021-2023, có thể thấy những hành vi vi phạm chủ yếu của NNT là chưa phản ánh đúng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ không đúng quy định như:

- kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào hoá đơn ghi không đầy đủ thiếu tên, mã số thuế; Thuế GTGT đầu vào không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; Thuế GTGT đầu vào nhiên liệu không hợp lý, vượt định mức.

- Hoá đơn đầu vào trên 20 triệu không thực hiện thanh toán qua ngân hàng; Kê khai khấu thuế GTGT đầu vào phân bổ cho cả hàng hóa dịch vụ không chịu thuế; kê khai sai thuế suất thuế GTGT đầu ra sai quy định mặt hàng áp dụng thuế suất 10% doanh nghiệp kê khai áp dụng thuế suất 5%; doanh nghiệp hạch toán thiếu doanh thu tính thuế GTGT.

- Hàng hóa tiêu dùng nội bộ, biếu tặng nhưng không lập hóa đơn GTGT và tính thuế GTGT đầu ra; hàng hóa dịch vụ dùng cho khuyến mại nhưng không theo quy định của pháp luật về xúc tiến thương mại.

Những kết quả trên chứng tỏ công tác kiểm tra thuế thời gian qua khá tốt, góp phần tăng cường công tác quản lý thuế GTGT trên địa bàn thành phố, hạn chế tối đa thất thu cho NSNN. Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra vẫn còn một số tồn tại như: cung cấp dữ liệu kê khai thuế của NNT cho các bộ phận có liên quan chưa kịp thời, đầy đủ; việc phân tích số liệu còn chậm, chưa chính xác; trình độ công chức phân tích còn hạn chế; thời gian quy định cho 01 cuộc kiểm tra còn hạn hẹp; đặc biệt công chức Đội kiểm tra chưa được biên chế đầy đủ so với quy định (theo quy định công chức Đội kiểm tra tối thiểu phải đạt 30% so với tổng biên chế của Chi cục, hiện nay mới đạt 14,3%), do đó đã ảnh hưởng đến công tác kiểm tra của Chi cục Thuế.

Theo đánh giá của 50 DNNVV về công tác kiểm tra như sau:

Bảng 2.13: Đánh giá mức độ hài lòng của DNNVV về công tác kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

STT	Nội dung đánh giá	Số DNNVV đánh giá	Kết quả đánh giá					
			Số DNNVV			Tỷ lệ (%)		
			Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
1	Công tác kiểm tra thuế được thực hiện công khai, rõ ràng đúng quy định, có căn cứ đầy đủ	50	40	8	2	80,0%	16,0%	4,0%
2	Nội dung yêu cầu giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng quy định	50	44	5	1	88,0%	10,0%	2,0%
3	Thái độ công chức trong quá trình kiểm tra đúng mực, không gây khó khăn cho doanh nghiệp	50	37	9	4	74,0%	18,0%	8,0%
4	Công chức đoàn kiểm tra có trình độ chuyên môn và kỹ năng tốt	50	35	10	5	70,0%	20,0%	10,0%
5	Doanh nghiệp hài lòng với kết quả kiểm tra thuế	50	33	11	6	66,0%	22,0%	12,0%

(Nguồn Học viên khảo sát đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố)

Các tiêu chí đánh giá về công khai, rõ ràng, đúng quy định, có căn cứ đầy đủ; yêu cầu giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu; thái độ công chức, không gây phiền hà được doanh nghiệp đánh giá rất hài lòng và hài lòng đạt trên 92% chứng tỏ công tác kiểm tra đã thực hiện đúng trình tự, quy trình và thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền, đúng nội dung nên được doanh nghiệp đánh giá cao.

Tuy nhiên, vẫn còn một số doanh nghiệp chưa hài lòng về công tác kiểm tra, thái độ làm việc; năng lực, trình độ chuyên môn và không hài lòng kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở doanh nghiệp còn chiếm tỷ lệ tương đối cao. Vì vậy, đối với đánh giá không hài lòng của DNNVV, Chi cục Thuế cần tập trung chỉ đạo công tác kiểm tra từ khâu lập kế hoạch kiểm tra, lựa chọn công chức kiểm tra, đối tượng kiểm tra phải theo đúng các tiêu chí rủi ro và nâng cao chất lượng, kỹ năng, đạo đức công vụ cho công chức làm công tác kiểm tra thuế.

2.2.5. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã thực hiện triển khai tốt công tác quản lý thu, chống thất thu và giảm nợ đọng thuế; tiếp tục thực hiện đẩy mạnh các biện pháp đôn đốc thu nợ, phân loại các khoản nợ thuế để thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định. Kiên quyết đối với các doanh nghiệp cố tình dây dưa, nợ đọng thuế, đôn đốc thu dứt điểm các khoản nợ cũ, hạn chế phát sinh các khoản nợ mới. Chỉ đạo các đơn vị thu dứt điểm số thuế GTGT, tiền phạt theo kết luận của cơ quan Thanh tra và Kiểm toán Nhà nước. Thu đầy đủ, kịp thời, đúng quy định số thuế GTGT được gia hạn nộp đến

thời hạn phải nộp vào NSNN. Kết quả thu nợ tiền thuế GTGT của các năm 2021-2023 được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.14: Tình hình thu nợ thuế GTGT của các DNNVV tại Chi cục thuế thành phố giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số nợ đầu kỳ	10.896	12.889	14.351
2	Số nợ phát sinh trong kỳ	11.749	14.114	15.518
3	Số nợ thu được trong kỳ	9.756	12.652	14.937
3.1	Bằng biện pháp Quản lý nợ	6.498	9.129	10.673
3.2	Bằng biện pháp Cường chế nợ thuế	3.258	3.523	4.264
4	Số nợ chuyển kỳ sau	12.889	14.351	14.932

(Nguồn Chi cục thuế thành phố Cao Bằng)

Trong năm 2021, Chi cục Thuế đã thu hồi số nợ thuế GTGT của năm 2020 chuyển sang và số nợ thuế phát sinh năm 2021 với số tiền 9.756 triệu đồng trong đó: bằng biện pháp quản lý nợ là 6.498 triệu đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế 3.258 triệu đồng. Năm 2022 đã thu hồi được số nợ thuế GTGT năm 2021 chuyển sang và số nợ phát sinh trong năm 2022 với số tiền 12.652 triệu đồng, trong đó: bằng biện pháp quản lý nợ là 9.129 triệu đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế 3.523 triệu đồng. Năm 2023 đã thu hồi được số nợ thuế GTGT năm 2022 chuyển sang và số nợ phát sinh trong năm 2023 với số tiền là 14.937 triệu đồng, trong đó: bằng biện pháp quản lý nợ là 10.673 triệu đồng, bằng biện pháp cưỡng chế nợ thuế là 4.264 triệu đồng.

Qua bảng số liệu trên cho thấy việc áp dụng chặt chẽ quy trình quản lý nợ thuế đã được chú trọng và đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cơ quan Thuế chưa giải quyết dứt điểm được tình trạng nợ đọng thuế là do bên cạnh những DNNVV có ý thức chấp hành pháp luật về thuế tốt, làm ăn hiệu quả thì vẫn còn một số DNNVV dây dưa, nợ đọng thuế, dẫn đến tỷ lệ tổng số nợ thuế GTGT so với tổng số thu thuế GTGT vào NSNN còn tương đối cao. Vì vậy, để giảm thiểu tối đa số nợ thuế của NNT, Chi cục Thuế đã tổ chức rà soát, đối chiếu, phân loại các khoản nợ thuế; Tăng cường triển khai các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của Luật Quản lý thuế như đôn đốc qua điện thoại, ra thông báo nợ thuế, phối hợp với các ngân hàng thương mại và Kho bạc Nhà nước cưỡng chế lập lệnh thu... do đó số nợ đọng thuế thu hồi được qua các năm đều tăng lên.

Tuy nhiên, hiện nay Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chủ yếu áp dụng biện pháp trích tiền từ tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại và biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn, nhưng hiệu quả của 02 biện pháp trên chưa cao. Vì biện pháp trích tiền từ tài khoản chỉ thực sự có ý nghĩa khi số dư trên tài khoản đủ để thanh toán một phần hoặc toàn bộ cho các nghĩa vụ thuế, khi tài khoản của doanh nghiệp không còn tiền vô hình chung việc quyết định cưỡng chế lại trở nên vô hiệu; biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn cũng chưa mang lại hiệu quả cao do khi áp dụng biện pháp này, các hoạt động giao dịch, mua bán của doanh nghiệp bị hạn chế, dẫn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ bị ngưng trệ nên số nợ thuế GTGT cuối kỳ của các DNNVV trên địa bàn thành phố trong giai đoạn 2021-2023 có xu hướng tăng lên (năm 2022 tăng 11,3% so với năm 2021; năm 2023 tăng 4,9% so với năm 2022 và tăng 15,8% so với năm 2021).

Học viên tiến hành khảo sát tại 50 DNNVV để đánh giá về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, kết quả như sau:

Bảng 2.15: Đánh giá của DNNVV về quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

STT	Nội dung đánh giá	Số DNNVV đánh giá	Kết quả đánh giá					
			Số DNNVV			Tỷ lệ (%)		
			Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Rất hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng
1	Số thuế nợ của doanh nghiệp được hạch toán chính xác, kịp thời	50	38	8	4	76,0%	16,0%	8,0%
2	Thông báo nợ thuế được gửi tới doanh nghiệp thường xuyên, kịp thời, đầy đủ	50	44	6	0	88,0%	12,0%	0,0%
3	Các biện pháp cưỡng chế nợ thuế được thực hiện đúng quy định, đầy đủ căn cứ pháp lý	50	40	6	4	80,0%	12,0%	8,0%
4	Công chức thuế có thái độ đúng mực, xử lý đúng quy trình đơn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế	50	38	6	6	76,0%	12,0%	12,0%

(Nguồn Học viên khảo sát đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố)

Như vậy có thể thấy cơ bản các DNNVV đều đồng tình và ủng hộ việc cơ quan thuế, công chức thuế đang thực hiện các biện pháp đơn đốc thu và cưỡng chế nợ thuế, doanh nghiệp cơ bản đều hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và cố gắng thực hiện nghĩa vụ với NSNN. Bên cạnh đó tiêu chí phản ánh nợ chưa chính xác và thái độ làm việc của công chức chưa tốt Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cần phải tăng cường bồi

dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức để nâng cao trình độ chuyên môn. Đồng thời nâng cao trách nhiệm của công chức trong thực hiện nhiệm vụ, linh hoạt trong xử lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để công tác thu hồi nợ thuế đạt hiệu quả cao hơn.

2.2.6. Một số nội dung quản lý khác

- Công tác xử lý vi phạm pháp luật:

Thời gian qua Chi cục Thuế thành phố đã nghiêm túc triển khai các quy định của ngành về tăng cường giám sát kê khai thuế, qua theo dõi các hành vi vi phạm của doanh nghiệp chủ yếu là hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp; chậm nộp báo cáo sử dụng hóa đơn, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế. Việc xử phạt vi phạm pháp luật thuế được thực hiện tương đối nghiêm túc, hàng tháng, quý sau ngày khóa sổ trên hệ thống quản lý thuế công phụ trách quản lý rà soát trên hệ thống để thống kê các doanh nghiệp chưa kê khai, chưa báo cáo để thông báo, đôn đốc doanh nghiệp qua thư điện tử, điện thoại... đồng thời đề nghị doanh nghiệp gửi tờ khai tới cơ quan thuế bằng hình thức điện tử. Khi nhận được tờ khai qua iHTKK hay Etax hệ thống kê khai thuế điện tử, căn cứ thời gian chậm nộp, hành vi vi phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để lập biên bản vi phạm hành chính và gửi biên bản ngay trong ngày cho doanh nghiệp qua thư điện tử. Trong vòng 05 ngày doanh nghiệp có thể lên làm việc trực tiếp hoặc giải trình bằng văn bản gửi cơ quan thuế qua thư điện tử. Nếu sau 05 ngày doanh nghiệp không có phản hồi hoặc lý do không thỏa đáng thì căn cứ vào biên bản vi phạm để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Trong giai đoạn 2021-2023, tình hình xử phạt vi phạm hành chính như sau:

Bảng 2.16: Tình hình xử phạt vi phạm hành chính về kê khai thuế GTGT đối với DNNVV giai đoạn từ năm 2021-2023

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số lượt NNT vi phạm kê khai thuế GTGT	Lượt	63	46	38
2	Số lượt ra quyết định xử phạt vi phạm	Lượt	58	45	38
3	Số lượt không ra quyết định xử phạt vi phạm	Lượt	5	1	0
4	Số tiền xử phạt	Trđ	75,4	59,8	48,1
5	Tỷ lệ ra quyết định xử phạt/Tổng NNT vi phạm	%	92,1%	97,8%	100%

(Nguồn: Chi cục thuế thành phố Cao Bằng)

Số lượt NNT vi phạm trong kê khai thuế giảm xuống cụ thể năm 2021 có 58 lượt vi phạm, đến năm 2022 có 46 lượt vi phạm giảm 27% so với năm 2021, năm 2023 có 38 lượt vi phạm giảm 17,4% so với năm 2022 và giảm 39,7% so với năm 2021; số lượt cơ quan thuế ra quyết định xử phạt trên số người vi phạm tỷ lệ tăng qua các năm, năm 2021 ban hành 58/63 quyết định với số tiền xử phạt là 75,4 triệu đồng đạt tỷ lệ 92,1%, năm 2022 ban hành 45/46 quyết định với số tiền xử phạt là 59,8 triệu đồng đạt tỷ lệ 97,8%; năm 2023 ban hành 38/38 quyết định với số tiền xử phạt là 48,1 triệu đồng đạt tỷ lệ 100%.

- *Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế*

Thời gian qua, thực hiện Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Tiếp công dân; các văn bản hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và các quy trình, quy chế của ngành, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã đi vào nề nếp, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, luôn đề cao vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo và các tổ chức tại đơn vị trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo cho NNT hiểu về quyền lợi của mình.

Trong giai đoạn 2021-2023, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng không để xảy ra trường hợp khiếu nại, tố cáo về thuế.

2.3. Đánh giá thực trạng quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

2.3.1. Những kết quả đã đạt được

- Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng luôn coi công tác quản lý thuế đối với DNNVV là công tác trọng tâm, đặc biệt là công tác quản lý thuế GTGT, qua đó số thu từ thuế GTGT đóng góp vào NSNN ngày càng tăng, góp phần đảm bảo cho chính quyền địa phương ổn định cân đối thu chi NSNN để thực hiện chức năng quản lý.

- Về công tác kê khai, nộp thuế: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã thực hiện hiện đại hoá công tác quản lý kê khai, nộp thuế có hiệu quả. Nổi bật là việc triển khai thành công ứng dụng công nghệ thông tin vào kê khai thuế, nộp thuế và phát hành, quản lý sử dụng HĐĐT điện tử.

- Về công tác Kiểm tra thuế: Công tác kiểm tra thuế đã được giao chỉ tiêu và xây dựng kế hoạch thực hiện dựa trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin, phân loại rủi ro theo quy định của Luật Quản lý thuế. Thông qua kết quả kiểm tra đã nhận diện được các hành vi khai sai, trốn thuế điển hình như: Bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ không xuất

hoá đơn; Kế khai và hoạch toán thiếu doanh thu tính thuế; kê khai thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào không đủ điều kiện được khấu trừ do hoá đơn GTGT bị tẩy xoá, không đúng tên địa chỉ của doanh nghiệp; kê khai khấu trừ thuế của các hàng hóa, dịch vụ không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng chịu thuế GTGT... trên cơ sở các hành vi vi phạm giúp cho Chi cục Thuế thành phố xây dựng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả cao hơn.

- Về công tác Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã thực hiện nhiều biện pháp quản lý nợ thuế và cường chế thuế như: Tổ chức rà soát, phân tích, kiểm tra đánh giá phân loại nợ thuế theo các bước của quy trình quản lý thu nợ thuế; Tập trung đôn đốc, làm việc với từng doanh nghiệp có số thuế nợ đọng lớn, yêu cầu cam kết thanh toán nợ thuế theo từng tháng, đồng thời chủ động, phối hợp với các ngành chức năng để triển khai thực hiện các biện pháp quản lý, cường chế thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình, hệ thống đài phát thanh cơ sở, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ và giải đáp các vướng mắc về pháp luật thuế nói chung và về thuế GTGT nói riêng cho NNT, góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của các doanh nghiệp. Hỗ trợ tốt cho doanh nghiệp khai thuế điện tử, qua đó hạn chế sai số học, tiết kiệm thời gian thực hiện cho cơ quan thuế và NNT.

- Về công tác xử lý vi phạm: Việc xử lý vi phạm về thuế được Chi cục Thuế triển khai thực hiện tương đối tốt. Vì vậy, các hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế, khai sai dẫn đến thiếu số thuế GTGT phải nộp đã được xử phạt theo quy định.

2.3.2. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng còn một số hạn chế cơ bản sau:

- Về công tác kê khai, nộp thuế: Tình trạng trốn thuế, gian lận thuế GTGT còn diễn ra ở nhiều DNNVV gây thất thu cho NSNN. Một số DNNVV cố ý tìm mọi thủ đoạn, dưới mọi hình thức gian lận thuế GTGT phải nộp như: bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu dùng cho các hộ gia đình không xuất hóa đơn; xuất hóa đơn không nhằm hợp lý hóa đầu vào cho các doanh nghiệp, tổ chức khác; xuất hóa đơn với giá bán thấp hơn giá bán thực tế... Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa có biện pháp hữu hiệu để quản lý các căn cứ tính thuế GTGT như: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, doanh thu tính thuế GTGT hàng hóa dịch vụ bán ra của các DNNVV, đặc biệt là các DNNVV hoạt

động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ. Do đó dẫn đến việc quản lý khai thuế, nộp thuế chưa thật sự đạt hiệu quả cao.

- Về công tác kiểm tra thuế: Chất lượng công tác kiểm tra thuế, xử lý các hành vi vi phạm về thuế của cơ quan thuế còn hạn chế; Chế tài chưa đủ mạnh, chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi gian lận trong việc tính thuế, kê khai thuế; Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế còn hạn chế do khả năng phân tích, đối chiếu, vận dụng chính sách thuế của công chức trình độ chưa đồng đều, chủ yếu phát hiện những sai phạm đơn giản, thiếu chiều sâu; nhân sự làm công tác kiểm tra còn thiếu. Vì vậy, công tác kiểm tra thuế chưa trở thành công cụ có hiệu lực để chống thất thu và răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm về thuế.

- Về công tác quản lý nợ và cưỡng chế thuế: Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa áp dụng đầy đủ 07 biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định, mà chủ yếu chỉ áp dụng 02 biện pháp cưỡng chế nợ thuế đó là: Biện pháp trích tiền từ tài khoản, mở tại Kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại và biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn nên việc thu hồi nợ đọng thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng chưa mang lại hiệu quả cao và tỷ lệ nợ thuế đến thời điểm 31/12 hàng năm đều chưa đảm bảo tỷ lệ không vượt quá 5% so với tổng số thực thu thuế GTGT vào NSNN.

- Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT: Công tác tuyên truyền, hỗ trợ chưa đa dạng, chưa có chiều sâu và còn theo chủ quan của cơ quan thuế; Chưa thực sự chủ động nắm bắt bắt nhu cầu, nguyện vọng cần hỗ trợ của NNT nhằm phân loại đối tượng và xác định các lĩnh vực, ngành nghề thất thu thuế chủ yếu để tập trung tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Do đó, công tác tuyên truyền, hỗ trợ đạt hiệu quả chưa cao.

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế

+ Nguyên nhân khách quan:

- Chính sách thuế trong đó có chính sách thuế GTGT thường xuyên thay đổi và có những điểm chưa quy định rõ ràng nên vẫn có nhiều ý kiến và cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện.

- Điều kiện thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp hiện hành rất thông thoáng, không có các quy định ràng buộc về trình độ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, trình độ kế toán... để phù hợp với cơ chế quản lý thuế tự khai, tự nộp.

- Doanh nghiệp Chi cục Thuế thành phố quản lý 100% là DNNVV, đại bộ phận các doanh nghiệp này trình độ kế toán hạn chế và ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số doanh nghiệp chưa cao.

- Thói quen mua hàng hóa, dịch vụ không lấy hóa đơn của người tiêu dùng vẫn còn tồn tại. Ngoài ra, đại bộ phận người dân chưa lên án mạnh mẽ các hành vi trốn thuế, gian lận về thuế, thậm chí có trường hợp đồng tình, tiếp tay cho hành vi gian lận, trốn thuế. Đây là cản trở lớn trong công tác quản lý thuế GTGT.

+ Nguyên nhân chủ quan:

- Trình độ hiểu biết và thực thi về chính sách thuế của một số công chức còn hạn chế; một số công chức thiếu trách nhiệm, thái độ làm việc chưa thật tận tụy, công tâm, khách quan giữa quyền lợi của Nhà nước với quyền lợi của NNT.

- Công tác chỉ đạo điều hành chưa quyết liệt, chưa phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, chưa phát huy được tối đa năng lực và sở trường của từng công chức; Công tác đánh giá năng lực của công chức chưa phù hợp, chủ yếu căn cứ vào kết quả thu NSNN là chủ yếu, chưa căn cứ vào khả năng tham mưu, sự am hiểu và vận dụng chính sách thuế, khả năng phân tích đối chiếu,... đây cũng là rào cản làm hạn chế hiệu quả quản lý thuế; Sự phối hợp giữa cơ quan thuế với các cơ quan chức năng khác trong công tác quản lý thuế đôi khi còn chưa đồng bộ, nhịp nhàng, còn có sự chông chéo trong quản lý.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ GTGT ĐỐI VỚI DNNVV TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG

3.1. Quan điểm, mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

3.1.1. Quan điểm

Tăng cường công tác quản lý thuế GTGT là một trong những vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện Luật Thuế GTGT đối với các DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng. Để tạo điều kiện thuận lợi, đồng thời nâng cao trách nhiệm của DNNVV trong việc kê khai, nộp thuế, quan điểm, mục tiêu của Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng như sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra thuế đối với DNNVV trong việc kê khai nộp thuế; Đảm bảo 100% hồ sơ khai Thuế GTGT được kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế để hạn chế tối đa việc khai sai, khai thiếu thuế.

- Tiếp tục thực hiện tốt tiến trình cải cách hiện đại hoá ngành thuế, đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng.

- Tiếp tục triển khai, hướng dẫn cho các DNNVV áp dụng hình thức khai thuế điện tử và đẩy mạnh công tác ủy nhiệm thu thuế qua hệ thống ngân hàng thương mại.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền hỗ trợ các DNNVV trong việc khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế. Khen thưởng kịp thời các doanh nghiệp đạt nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh và chấp hành tốt chính sách thuế.

- Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, giám sát chặt chẽ công chức trong thực thi công vụ đảm bảo ngăn chặn mọi hành vi tiêu cực, sách nhiễu người nộp thuế. Nâng cao năng lực đội ngũ công chức thuế, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn cho công chức ngành thuế.

- Để ngăn chặn tình trạng nợ đọng thuế, bảo đảm chống thất thu ngân sách, trong thời gian tới cần tăng cường chỉ đạo bộ phận chuyên môn phân tích rõ tuổi nợ của các khoản nợ; xem xét, đánh giá về khả năng tài chính của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có số nợ lớn để có những biện pháp, chế tài thu hồi nợ đọng phù hợp. Phối hợp chặt chẽ với hệ thống Kho bạc, Ngân hàng thương mại để cung cấp trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế với các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, phát hiện các trường hợp

doanh nghiệp có dấu hiệu mất khả năng thanh toán, để thực hiện các bước theo quy định của pháp luật về cưỡng chế nợ thuế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế và ngăn ngừa các hành vi dây dưa, chây ì, nợ đọng tiền thuế.

3.1.2. Mục tiêu

3.1.2.1. Mục tiêu chung

Quản lý chặt chẽ đối với toàn bộ nguồn thuế GTGT phát sinh trên địa bàn, đặc biệt là các nguồn thu thuế GTGT đối với DNNVV, nhằm hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất và góp phần thực hiện bình đẳng, công bằng xã hội; xây dựng công tác quản lý thuế thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, ứng dụng công nghệ thông tin có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

3.1.3.2. Mục tiêu cụ thể

Công tác quản lý thuế trong thời gian tới được dự báo sẽ có những thuận lợi, thời cơ và cả những thách thức đan xen. Vì vậy, cần phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đoàn kết nội bộ, kỷ luật kỷ cương, phát huy tối đa sức mạnh nội lực để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Với tinh thần đó, Chi cục thuế thành phố Cao Bằng xác định nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2030 như sau:

- Tiếp tục đào tạo đội ngũ công chức thuế có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phấn đấu đến năm 2030: Tỷ lệ công chức có trình độ sau đại học và đại học tối thiểu từ 95% trở lên. 100% công chức thành thạo về tin học, ứng dụng tốt các phần mềm quản lý thuế.

- Sử dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ NNT phù hợp, theo phương pháp quản lý rủi ro và triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ NNT thực hiện thủ tục hành chính thuế, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử: Phấn đấu đến năm 2030, tối thiểu 95% các doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ mà Chi cục Thuế cung cấp; 100% các doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ thuế điện tử.

- Về kê khai thuế, nộp thuế: Phấn đấu đến năm 2030 hồ sơ, thủ tục về khai thuế, nộp thuế minh bạch dễ thực hiện, dễ quản lý: Tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn đạt tối thiểu 99% trở lên; Tỷ lệ sai sót của hồ sơ khai thuế dưới 2%; Tỷ lệ giải quyết các thủ tục thuế cho người nộp thuế đúng hạn, đúng quy định đạt 100%.

- Hoạt động kiểm tra thuế đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật thuế, giải quyết kịp thời, chính xác, khách quan các khiếu nại tố cáo của NNT.

- Ứng dụng tốt các phần mềm hỗ trợ phân tích rủi ro kê khai thuế của các doanh nghiệp để lựa chọn đúng đối tượng có rủi ro cao đưa vào kế hoạch kiểm tra hàng năm.

- Thường xuyên đối chiếu nợ thuế giữa cơ quan thuế và các doanh nghiệp đảm bảo 100% các khoản nợ thuế được theo dõi trên sổ nợ thuế; Phân loại doanh nghiệp, tuổi nợ thuế để áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định; Phần đầu thu nợ thuế đến thời điểm 31/12 hàng năm không vượt quá 5% so với tổng số thực thu thuế, phí của năm đó.

- Tăng cường phối hợp với các ngành, các cấp, các tổ chức tín dụng, kho bạc Nhà nước... trong công tác thu nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế.

3.2. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý Thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng

3.2.1. Tăng cường quản lý công tác kê khai, nộp thuế

- Căn cứ xây dựng giải pháp: Qua phân tích thực trạng về Quản lý kê khai thuế, nộp thuế thì vẫn còn tình trạng DNNVV chưa nộp tờ khai thuế, chậm nộp tờ khai thuế GTGT và kê khai, nộp thuế GTGT chưa đúng quy định. Vì vậy cần phải có giải pháp hữu hiệu để chấm dứt tình trạng trên.

- Nội dung của giải pháp:

Để quản lý tốt DNNVV kê khai, nộp thuế trên địa bàn, trước hết cần phân cấp quản lý thuế một cách phù hợp giữa Cục Thuế và Chi cục Thuế, từ đó sẽ quản lý một cách chặt chẽ số lượng doanh nghiệp kê khai, nộp thuế được phân công quản lý giữa Cục Thuế và Chi cục Thuế, tránh tình trạng bỏ sót cũng như tránh được việc quản lý chồng chéo, gây khó khăn cho NNT.

Thường xuyên tổ chức xác minh địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp mới thành lập. Bám sát tình hình thực tế hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh để kịp thời tham mưu cho chính quyền địa phương có các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp nhằm nuôi dưỡng nguồn thu như: hướng dẫn các DNNVV thực hiện ưu đãi, miễn, giảm thuế, gia hạn nộp thuế GTGT...

Công tác kiểm soát hồ sơ khai thuế hàng tháng, hàng quý tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng phải được thực hiện một cách khoa học, các DNNVV có số thu thuế lớn, công chức thuế phải lập hồ sơ theo dõi thời hạn kê khai thuế, số thuế phát sinh phải nộp, số thuế đã nộp hàng tháng để kịp thời đôn đốc, động viên doanh nghiệp nộp tờ khai thuế, số thuế phát sinh phải nộp đúng hạn vào NSNN.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, với chính quyền địa phương rà soát tất cả các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh nói chung, DNNVV nói riêng để đưa vào diện quản lý thuế, tránh tình trạng bỏ sót. Chủ động rà soát hoạt động của các dự án xây dựng, nếu doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh ngoại tỉnh thì đề nghị các chủ đầu tư và chính quyền địa phương yêu cầu đơn vị thực hiện việc đăng ký kê khai thuế, nộp thuế đối với doanh thu phát sinh trên địa bàn.

- Dự kiến kết quả đạt được của giải pháp: 100% doanh nghiệp hoạt động, sản xuất kinh doanh trên địa bàn được đưa vào quản lý; tối thiểu 99% trở lên DNNVV nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn, hồ sơ thuế GTGT khai sai dưới 2%; Giải quyết các thủ tục thuế GTGT cho DNNVV đúng hạn, đúng quy định đạt 100%. Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế GTGT của cơ quan thuế và ý thức tự giác tuân thủ kê khai thuế của NNT trên địa bàn và tăng thu cho NSNN.

3.2.2. Tăng cường quản lý căn cứ tính thuế GTGT

- Căn cứ xây dựng giải pháp: Qua phân tích thực trạng thì Chi cục Thuế thành phố vẫn để xảy ra tình trạng trốn thuế, gian lận thuế GTGT ở nhiều DNNVV gây thất thu cho NSNN như bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn; xuất hóa đơn không nhằm hợp lý hóa đầu vào cho các doanh nghiệp, tổ chức khác; xuất hóa đơn với giá bán thấp hơn giá bán thực tế... và do nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan nên hiện tại Chi cục Thuế chưa có biện pháp hữu hiệu để quản lý các căn cứ tính thuế nhất là các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

- Nội dung của giải pháp:

3.2.2.1. Tăng cường quản lý kê khai thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Giá trị hàng hóa mua vào của dịch vụ chịu thuế GTGT sẽ là căn cứ tính thuế GTGT đầu vào, công chức thuế phải kiểm tra chặt chẽ các hóa đơn mua bán hàng hóa dịch vụ của các doanh nghiệp. Muốn vậy, cần thực hiện tốt các công việc sau:

+ Tiến hành thu thập các hóa đơn chứng từ liên quan đến hoạt động mua hàng như các hợp đồng ký với người bán, các chứng từ vận chuyển, các bảng thanh toán, quyết toán hợp đồng, các sổ chi tiết mua hàng.

+ Kiểm tra sự phù hợp giữa giá trị hàng mua thực tế với giá trị hàng mua được phản ánh trên hóa đơn chứng từ, cụ thể:

Kiểm tra việc mua hàng thực tế đã xảy ra, dựa trên các hóa đơn, các phiếu nhập kho, chứng từ vận chuyển, cân đối lại hàng tồn kho, doanh nghiệp đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán cho người bán, đã được người bán xuất hóa đơn GTGT.

Tính toán giá trị hàng mua vào thực tế, công chức thuế phải loại trừ hàng mua trả lại, hàng chiết khấu, hàng nhập khẩu, hàng khuyến mại.

Trong những trường hợp đặc biệt được sử dụng bảng kê để kê khai xác định hàng mua vào thì công chức thuế phải kiểm tra chặt chẽ giá trị hàng mua so với thực tế. Có thể kết hợp với kiểm kê hàng hóa tại doanh nghiệp dựa trên định mức tiêu hao nguyên vật liệu so với số lượng sản phẩm xuất trong kỳ hoặc so sánh với số liệu hàng mua kỳ trước để có kết luận về hàng mua kỳ này.

Sau khi tính toán, kiểm tra giá trị hàng hóa mua vào, công chức thuế cần so sánh đối chiếu với các chỉ tiêu trên tờ khai thuế GTGT và yêu cầu doanh nghiệp phải kê khai đúng thực tế.

3.2.2.2. Tăng cường quản lý doanh thu tính thuế

Doanh thu là một trong những căn cứ quan trọng để xác định số thuế phải nộp của NNT. Từ thực quản lý thuế cho thấy doanh thu chịu thuế phần lớn không sát với tình hình sản xuất kinh doanh, thậm chí NNT đã làm mọi cách để giảm doanh thu tính thuế.

Theo ý kiến chủ quan của cá nhân tôi, để quản lý thuế GTGT đối với DNNVV thực sự có hiệu quả thì Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng nên chia khu vực hành chính để quản lý; phân loại các DNNVV để quản lý và quản lý chặt chẽ hơn theo chiều sâu, bởi vì công tác kiểm tra đối với mỗi doanh nghiệp là khác nhau; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng công chức .

Phân loại các doanh nghiệp cụ thể đối với một số hình thức kinh doanh như sau:

+ Đối với hoạt động xây lắp: Quản lý các hợp đồng kinh tế của loại hình này gắn liền với giải trình của đơn vị về tiến độ thực hiện hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành bàn giao, biên bản thanh lý hợp đồng, yêu cầu đơn vị viết đầy đủ, kịp thời hoá đơn bán hàng đối với khối lượng hoàn thành bàn giao. Đối với loại hình hoạt động này biện pháp quản lý có hiệu quả là phối hợp với Kho bạc, các ngân hàng, các chủ đầu tư để thu thuế khi công trình, hạng mục công trình được thanh toán vốn.

+ Đối với ngành kinh doanh xăng dầu: Kiểm tra số lượng tiêu thụ mà cơ sở kê khai với cơ quan thuế và đồng hồ lưu lượng, đồng thời kiểm tra trong sổ sách giao ca với hoá đơn bán hàng... để xác định lượng hàng tiêu thụ. Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo hình thức mua bán không qua nhập kho để đối chiếu với hợp đồng mua bán của doanh nghiệp, kiểm tra việc thanh quyết toán cước phí vận chuyển và tiền thưởng chiết khấu đơn vị thu được để xác định lượng hàng tiêu thụ mà doanh nghiệp bán trực tiếp không qua nhập kho.

+ Đối với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ và bán hàng đại lý: Tăng cường công tác kiểm tra tờ khai đối chiếu với tổng giá trị hàng bán; so sánh giá bán và giá mua; kết hợp kiểm tra đối chiếu nơi doanh nghiệp khai thác nguồn hàng so với số liệu kê khai của doanh nghiệp; phối kết hợp với cơ quan quản lý thị trường, tài chính để ấn định giá bán thống nhất cho từng loại mặt hàng.

+ Đối với ngành hoạt động kinh doanh vận tải: DNNVV kinh doanh vận tải phải tiến hành đăng ký số phương tiện tham gia kinh doanh (được phản ánh trong danh mục tài sản cố định của đơn vị để trích khấu hao); kiểm tra việc gắn doanh số kinh doanh của doanh nghiệp với các chi phí kê đầu vào tập trung vào chi phí xăng dầu, chi phí sửa chữa thông qua chứng từ và bảng kê để xác định đúng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp và thực hiện đúng nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước...

- Dự kiến kết quả đạt được của giải pháp: Có các biện pháp giám sát hiệu quả, vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện của NNT trong kê khai thuế, vừa đảm bảo phát hiện, ngăn ngừa những trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế vào NSNN, tạo sự bình đẳng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế giữa các doanh nghiệp.

3.2.3. Tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

- Căn cứ xây dựng giải pháp: Qua phân tích thực trạng và khảo sát ý kiến của 50 DNNVV thì công tác tuyên truyền, hỗ trợ vẫn còn nhiều hạn chế như chưa đa dạng về hình thức, chưa có chiều sâu, chưa chủ động nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng cần hỗ trợ của NNT để phân loại đối tượng doanh nghiệp, người tiêu dùng hay lĩnh vực, ngành nghề thất thu thuế chủ yếu để tập trung tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Vì vậy, để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế thì cần phải tăng cường các giải pháp phù hợp về tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

- Nội dung của giải pháp:

Hiện nay, công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đã đạt được một số kết quả tích cực, song để nâng cao chất lượng hơn nữa thì cần phải thực hiện các giải pháp sau:

+ Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ tốt nhất cho NNT, để từ đó doanh nghiệp hiểu và chấp hành các quy định của Nhà nước và sẽ đáp ứng được các yêu cầu về cơ chế tự khai - tự nộp của ngành thuế. Trên cơ sở đó doanh nghiệp sẽ tự giác kê khai đầy đủ số thuế phát sinh nộp vào NSNN.

+ Chủ động nắm bắt tình hình, phân loại đối tượng doanh nghiệp, người tiêu dùng, xác định các lĩnh vực, ngành nghề thất thu thuế chủ yếu để tập trung tuyên truyền,

hỗ trợ thuế một cách hiệu quả nhất, tránh tình trạng tuyên truyền, hỗ trợ NNT một cách tràn lan, không có trọng tâm, trọng điểm. Nhất là phải tạo được cho người dân thói quen lấy hóa đơn khi mua hàng nhằm tránh việc các doanh nghiệp lợi dụng để trốn thuế.

+ Công khai các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ quản lý tại trụ sở cơ quan thuế, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của ngành thuế và trên Website của Chi cục để DNNVV biết và giám sát việc thực thi pháp luật thuế của công chức thuế.

+ Hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông để giải quyết các thủ tục hành chính thuế thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ cho NNT. Phân tích, phân loại, mã hóa các vướng mắc về thuế GTGT thường gặp để hỗ trợ DNNVV, xây dựng cơ sở dữ liệu hỗ trợ giải đáp các vướng mắc của doanh nghiệp áp dụng thống nhất trong cơ quan thuế.

+ Đối với các những quy định về thuế GTGT thì công chức thuế làm công tác tuyên truyền, hỗ trợ cần phải thường xuyên cập nhật, nghiên cứu và tìm hiểu kỹ để có các giải đáp kịp thời tháo gỡ cho DNNVV trên địa bàn. Những quy định nào còn vướng mắc, bất cập thì tiến hành ghi chép và có phản ánh lên cấp trên để có biện pháp xử lý phù hợp.

+ Định kỳ hàng quý, Chi cục Thuế cần tổ chức đối thoại với DNNVV để tiếp thu các ý kiến đóng góp của các DNNVV trong vấn đề quản lý Nhà nước về Thuế, đặc biệt là các vướng mắc về thuế GTGT. Từ đó, Chi cục Thuế sẽ có các giải đáp phản hồi hoặc sẽ có các kiến nghị, đề xuất lên cơ quan cấp trên để giải quyết vướng mắc cho DNNVV trên địa bàn. Qua đối thoại với DNNVV sẽ nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi công chức thuế trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình.

- Dự kiến kết quả đạt được của giải pháp: Đa dạng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ NNT phù hợp, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử: đến năm 2030, tối thiểu 95% các doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ mà Chi cục Thuế cung cấp; 100% các doanh nghiệp sử dụng các các dịch vụ thuế điện tử.

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra thuế

- Căn cứ xây dựng giải pháp: Qua phân tích thì công tác kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế Cao Bằng việc xử lý các hành vi vi phạm về thuế còn hạn chế, chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi gian lận trong việc tính thuế, kê khai thuế; Việc kiểm tra thuế tại cơ quan thuế còn hạn chế do khả năng phân tích, đối chiếu, vận dụng chính sách thuế của công chức kiểm tra thuế trình độ chưa đồng đều, chủ yếu phát hiện những sai phạm đơn giản, thiếu chiều sâu.

- Nội dung của giải pháp:

Công tác kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa có hiệu quả cao, còn thụ động, chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra theo chuyên đề. Do vậy, cần tăng cường đổi mới loại hình, phương pháp và kỹ thuật kiểm tra thuế, chuyển dần từ kiểm tra toàn diện sang kiểm tra chuyên đề theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh như: doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu; doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn; doanh nghiệp xây lắp; doanh nghiệp kinh doanh vận tải; doanh nghiệp khai thác khoáng sản; ... và chủ động tham mưu cho chính quyền địa phương để xây dựng các đề án chống thất thu trên cơ sở:

- Xây dựng và áp dụng các phương pháp, kỹ thuật kiểm tra mẫu phù hợp với đặc điểm của từng DN/VV về quy mô, lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; nghiên cứu áp dụng các hình thức kiểm tra gián tiếp trên cơ sở thu thập dữ liệu kê khai thuế từ các ứng dụng công nghệ thông tin.

- Xây dựng mô hình trao đổi nghiệp vụ và kỹ năng kiểm tra thuế trong nội bộ Chi cục và kinh nghiệm của các Chi cục thuế khác trên cơ sở đúc kết từ thực tiễn hoạt động kiểm tra tại doanh nghiệp.

- Xây dựng và trang bị kỹ năng kiểm tra theo từng chuyên ngành, lĩnh vực như xây dựng cơ bản, viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, siêu thị, ăn uống, khách sạn... cho từng công chức làm công tác kiểm tra thuế.

Đồng thời phát triển các chương trình kiểm tra đặc biệt theo chuyên ngành và theo từng lĩnh vực mang tính chất “nổi cộm” trong thời gian gần đây như:

- Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp kiểm tra đối với các đối tượng sử dụng các giao dịch điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử, các doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

- Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp kiểm tra chống chuyên giá đối với các công ty có giao dịch quốc tế.

Để công tác kiểm tra phát huy được hiệu quả cao, có trọng tâm trọng điểm thì Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cần phân tích hồ sơ khai thuế, phân tích các doanh nghiệp âm thuế kéo dài, doanh nghiệp không phát sinh số thuế nộp, doanh nghiệp có dấu hiệu sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, và dịch vụ để lựa chọn ra các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế đưa vào kế hoạch kiểm tra thuế.

Tăng cường phối hợp với các phòng ban, chính quyền địa phương trên địa bàn thu thập thông tin, rà soát, nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh

nghiệp, từ đó yêu cầu các doanh nghiệp kê khai thuế theo đúng với tình hình sản xuất kinh doanh, hạn chế thấp nhất thất thu về doanh thu tính thuế.

- Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp: Công tác kiểm tra thuế đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật thuế, giải quyết kịp thời, chính xác, khách quan các khiếu nại tố cáo của NNT, góp phần giảm thiểu tối đa các sai phạm của người nộp thuế, truy thu các khoản thuế bị bỏ sót, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế GTGT.

3.2.5. Tăng cường quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

- Căn cứ xây dựng giải pháp: Qua phân tình hình quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thì Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng chưa áp dụng đầy đủ 07 biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định, do đó việc thu hồi nợ đọng thuế nói chung và Thuế GTGT nói riêng chưa mang lại hiệu quả cao và tỷ lệ nợ thuế đến thời điểm 31/12 hàng năm còn cao, chưa đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ dư nợ cuối kỳ. Vì vậy, để chống thất thu thuế thì việc tăng cường quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế là hết sức quan trọng và cần thiết.

- Nội dung của giải pháp:

Đối với công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cần thường xuyên tổ chức đánh giá mức độ thất thu, nợ đọng thuế trên từng địa bàn, xác định rõ lĩnh vực còn thất thu, nhận dạng chính xác các nhóm DNNVV có rủi ro cao để xây dựng kế hoạch thu nợ và xử lý nghiêm các doanh nghiệp cố ý chây ì, nợ thuế, chiếm đoạt tiền thuế và các khoản tiền phạt liên quan đến thuế để đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản vào NSNN, phù hợp với pháp luật thuế, công tác cưỡng chế và thu nợ thuế phải đảm bảo xác định kịp thời, chính xác các khoản nợ của từng DNNVV, để phân nhóm thực hiện các biện pháp đôn đốc và cưỡng chế nợ thuế phù hợp. Cụ thể:

- Thứ nhất, đối với nhóm DNNVV chấp nhận nộp thuế khi có thông báo nợ của cơ quan thuế: việc vi phạm pháp luật thuế xảy ra thường là do nhầm lẫn trong kê khai thuế hay vì những lý do khách quan mà chậm nộp tiền thuế, cơ quan thuế nên áp dụng các biện pháp nhắc nhở, đôn đốc và hỗ trợ DNNVV giải quyết các khó khăn vướng mắc để có khả năng thanh toán nợ thuế, hoàn thành nghĩa vụ đối với NSNN.

- Thứ hai, đối với nhóm DNNVV miễn cưỡng nộp thuế: cần xem xét lịch sử về sự tuân thủ pháp luật thuế, trường hợp lý do dẫn đến nợ thuế, vi phạm pháp luật thuế là do doanh nghiệp gặp khó khăn, vướng mắc dẫn đến vi phạm để áp dụng hình thức đôn đốc nợ và cưỡng chế nợ thuế phù hợp. Các hình thức áp dụng nên ở mức độ nhẹ như: nhắc nhở, áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản, tạm dừng sử dụng hóa đơn.

- Thứ ba, đối với nhóm DNNVV từ chối nộp thuế, chây ỳ không nộp tiền thuế, cố tình nộp chậm, vi phạm nhiều lần: cần áp dụng các biện pháp mạnh, cứng rắn để đảm bảo thu hồi các khoản nợ thuế cho NSNN như: trích tiền từ tài khoản tiền gửi của DNNVV, ngừng sử dụng hóa đơn, kê biên và bán đấu giá tài sản của DNNVV, thu tiền hay tài sản của DNNVV đó do tổ chức cá nhân khác nắm giữ, thu hồi mã số thuế và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hay nghiêm khắc hơn là chuyển hồ sơ qua cơ quan điều tra để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Thứ tư, Chi cục Thuế cần chỉ đạo các Đội nghiệp vụ triển khai đồng bộ các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ, cưỡng chế nợ thuế và giao chỉ tiêu thu nợ cho từng công chức, bộ phận quản lý nợ thuế. Tổ chức chỉ đạo các bộ phận chức năng giám sát chặt chẽ, thường xuyên sự biến động của các khoản nợ thuế để đôn đốc thu nợ kịp thời. Quán triệt chỉ đạo ban hành 100% thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp đến từng DNNVV nợ thuế GTGT trên địa bàn. Đồng thời gắn công tác đánh giá thi đua khen thưởng với mức độ hoàn thành công tác quản lý nợ của từng Đội thuế.

- Thứ năm, tăng cường công tác phân loại nợ thuế để có biện pháp xử lý đối với những khoản nợ của DNNVV đã giải thể, mất tích thì cần làm các thủ tục xóa nợ thuế. Thực hiện công khai thông tin DNNVV có các hành vi gian lận, chiếm đoạt tiền thuế, chây ỳ nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm để DNNVV có ý thức tốt hơn đối với nghĩa vụ nộp thuế, từ đó giúp cho việc thu hồi nợ đọng đạt kết quả tốt hơn.

- Dự kiến kết quả đạt được của biện pháp: Đảm bảo 100% các khoản nợ thuế được theo dõi, áp dụng đầy đủ các biện pháp cưỡng chế nợ thuế; tỷ lệ thu nợ thuế đúng quy định, đến thời điểm 31/12 hàng năm không vượt quá 5% tổng thu ngân sách của năm đó và đảm bảo NNT thực hiện nộp các khoản thuế đến hạn phải nộp, thu đủ tiền thuế nợ vào NSNN.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành

Qua phân tích thực trạng công tác quản lý thuế tại Chi Cục thuế thành phố Cao Bằng thì công tác chỉ đạo, điều hành chưa quyết liệt, chưa phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và vẫn còn tồn tại công chức thực hiện nhiệm vụ thiếu tinh thần trách nhiệm; công tác phối hợp giữa Chi cục Thuế với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý thuế đôi khi còn chưa đồng bộ, nhịp nhàng, còn có sự chồng chéo. Do đó, để tăng cường kỷ cương, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả việc thực thi công vụ của công chức thuế và nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn nhằm thực hiện

tốt công tác quản lý thuế thì việc tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng là cần thiết. Cụ thể:

Thứ nhất, Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng cần phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng: Chi cục trưởng chịu trách nhiệm chung, các Phó chi cục trưởng được phân công quản lý và trực tiếp thực hiện nghiệp vụ quản lý thuế ở từng khâu cụ thể; xây dựng kế hoạch công tác cá nhân tuần, tháng và định kỳ hàng tuần hoặc đột xuất báo cáo kết quả công việc với Chi cục trưởng (nhất là những vụ việc có vướng mắc hoặc những vụ việc khiếu nại, khiếu kiện của NNT). Phân công nhiệm vụ đối với công chức trên cơ sở trình độ, năng lực công tác theo hướng phát huy sở trường, thế mạnh cá nhân; Công chức, lãnh đạo có kinh nghiệm phải kèm cặp, giúp đỡ công chức trẻ, lãnh đạo mới được bổ nhiệm theo phương pháp đào tạo tại chỗ “trực quan sinh động, cầm tay chỉ việc”.

Thứ hai, đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra: Sử dụng đồng bộ nhiều phương pháp lãnh đạo trực tiếp hoặc gián tiếp, trong đó kết hợp hài hòa các phương pháp mệnh lệnh hành chính, phương pháp công khai dân chủ, phương pháp tâm lý, phương pháp giáo dục, thuyết phục, động viên; lãnh đạo bằng cách nêu gương nhằm tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết gắn bó giữa lãnh đạo với công chức và người lao động trong đơn vị. Xây dựng chương trình kế hoạch công tác phải lựa chọn những việc còn yếu còn hạn chế, từ đó xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để tổ chức thực hiện. Chi cục trưởng chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của đơn vị; Phó Chi cục trưởng phụ trách phải thường xuyên và trực tiếp báo cáo công tác với Chi cục trưởng để quản lý theo quy định. Ban lãnh đạo Chi cục thực hiện định kỳ hội ý công tác, các Phó Chi cục trưởng chủ động tham mưu đề xuất giải quyết công việc thuộc trách nhiệm, lĩnh vực được phân công phụ trách.

Thứ ba, phát huy dân chủ, tính chủ động sáng tạo: Thực hiện công khai, minh bạch trong mọi hoạt động như: Chi tiêu tài chính, bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá chất lượng xếp loại, chất lượng lao động, phân công giao việc.... Công chức được tạo mọi điều kiện để học tập nghiên cứu nâng cao trình độ; tham gia ý kiến tranh luận, thẳng thắn bày tỏ quan điểm xây dựng, trao đổi, phản biện trong công tác, từ đó xây dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giúp đỡ nhau trong nội bộ đơn vị.

Thứ tư, cần tăng cường xây dựng mối quan hệ phối hợp: Tranh thủ sự ủng hộ của Cấp ủy, chính quyền địa phương, duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan trên địa bàn. Xây dựng cơ chế, lề lối làm việc cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn. Xây dựng Quy chế phối hợp giữa Chi cục Thuế với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng quản lý đô thị, Ban quản lý dự án; UBND các xã

phường để phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan trong công tác phối hợp quản lý thuế trên địa bàn.

3.3.2. Hỗ trợ của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng

- Về công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn: Đề nghị Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Cục Thuế hướng dẫn, hỗ trợ Chi cục Thuế xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung bồi dưỡng và triển khai công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức hàng năm, nhằm đảm bảo mục tiêu công chức trước khi thực hiện công tác điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cần thiết để tiếp cận nhanh công việc và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao khi sang bộ phận mới, lĩnh vực công tác mới.

- Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế: Để nâng cao chất lượng phục vụ người dân nói chung và NNT nói riêng ngày càng tốt hơn, hướng tới thực hiện hệ thống thuế điện tử và chính phủ điện tử, chính phủ số tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính, mang lại nhiều lợi ích cho NNT, gắn với quá trình cải cách hành chính công về thuế nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thuế, liên kết chặt chẽ, thống nhất với hệ thống thông tin điện tử trong nội bộ cơ quan thuế và các ngành liên quan, hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp với chất lượng cao hơn. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng đề nghị Phòng Truyền truyền, hỗ trợ người nộp thuế; Phòng Công nghệ thông tin, hỗ trợ xây dựng các kênh tương tác trực tuyến như thông báo đến doanh nghiệp qua website Cục Thuế, qua địa chỉ email, trang thông tin điện tử, facebook, zalo... để NNT tương tác trực tuyến và tham gia giám sát hoạt động thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan thuế ngày càng đạt chất lượng cao hơn và cơ quan thuế tiếp nhận kịp thời ý kiến phản hồi các thủ tục hành chính từ doanh nghiệp, người nộp thuế khi có vướng mắc, từ đó góp phần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT đối với DNNVV nói riêng.

- Về công tác kê khai thuế, nộp thuế: Hiện nay, Chi cục Thuế tiếp nhận thông tin doanh nghiệp được phân công quản lý thuế trực tiếp, thông qua hệ thống kết nối thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế. Một số đối tượng lợi dụng chính sách thông thoáng trong quy định về thành lập doanh nghiệp để thành lập các doanh nghiệp không nhằm mục đích sản xuất kinh doanh mà nhằm mục đích mua bán hóa đơn GTGT để trục lợi, gian lận tiền thuế. Do đó gây khó khăn cho các cơ quan chức năng nói chung, Chi cục Thuế nói riêng trong việc phát hiện các doanh nghiệp thành lập không nhằm mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, để quản lý tốt nghĩa vụ kê khai, nộp thuế của DNNVV trên địa bàn đề nghị Cục Thuế xây dựng cơ chế phối hợp trao đổi thông tin giữa cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), cơ quan cấp mẫu dấu của DNNVV (Công an) và cơ quan Thuế (Cục Thuế) nhằm

kịp thời đánh giá, cập nhật thông tin các doanh nghiệp mới thành lập, giải thể, phá sản, điều chỉnh ngành nghề đăng ký kinh doanh... khi có thay đổi thông tin thì cung cấp cho Chi cục Thuế để áp dụng các biện pháp quản lý thuế phù hợp, nhanh chóng, kịp thời, chính xác và đạt hiệu quả cao.

- Về công tác kiểm tra thuế: Với phương châm phòng ngừa vi phạm, nâng cao nhận thức cho NNT. Do đó, về lâu dài để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng cơ quan thuế nên lựa chọn giải pháp “tiền phòng, hậu kiểm”, tập trung kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế là chính, chỉ thanh tra, kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp đối với các trường hợp có dấu hiệu gian lận, trốn thuế. Để thực hiện được mục tiêu trên đề nghị Phòng Thanh tra – Kiểm tra, Phòng Kế khai – Kế toán thuế phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin thuộc Cục Thuế nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu có tính tích hợp, liên kết giữa các phần mềm ứng dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Cục Thuế với các Chi cục Thuế nhằm phân tích các nguồn dữ liệu để giám sát hồ sơ khai thuế, phân tích rủi ro, cảnh báo sai phạm đến doanh nghiệp, giúp NNT tự rà soát, phát hiện những sai sót để kê khai, điều chỉnh tránh bị xử lý vi phạm hành chính, từ đó tạo sự đồng thuận giữa cơ quan quản lý thuế và NNT góp phần nuôi dưỡng nguồn thu, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

- Về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: Một số biện pháp cưỡng chế nợ thuế Chi cục Thuế chưa áp dụng do còn gặp khó khăn, vướng mắc như: Biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên còn gặp nhiều khó khăn do không có đủ thông tin về tài sản, khó đánh giá về giá trị tài sản, liên quan đến nhiều Bộ luật và cần sự tham gia của nhiều cơ quan chức năng khác; Biện pháp cưỡng chế bên thứ ba còn bất cập do cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, chưa có cơ chế chia sẻ thông tin... Vì vậy, để áp dụng và thực hiện có hiệu quả các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đề nghị Phòng Quản lý và Cưỡng chế nợ thuế; Phòng Pháp chế phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn, thủ tục pháp lý để thực hiện các biện pháp cưỡng chế trên đúng thủ tục, đảm bảo tính pháp lý, hạn chế các sai sót xảy ra dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện kéo dài.

3.3.3. Sự tham của các tổ chức, chính quyền địa phương

Để thực hiện tốt công tác quản lý thuế thì cần sự chung sức, đồng lòng và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, để tạo sự đồng thuận trong công tác quản lý thuế, đề nghị Thành Ủy, UBND thành phố Cao Bằng chỉ đạo xây dựng quy chế phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ cơ quan thuế theo chức năng nhiệm vụ giữa các phòng, ban; tổ chức đoàn thể; Mặt trận Tổ quốc thành phố; chính quyền các phường, xã thuộc UBND thành phố Cao Bằng với Chi cục Thuế thành phố trong công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT đối với DNNVV nói riêng trên địa bàn.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, quy mô kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng lớn, hoạt động kinh doanh ngày càng đa dạng, quản lý kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng tiên tiến, giải pháp tăng cường quản lý thuế nói chung và quản lý thuế GTGT nói riêng đối với DNNVV là cần thiết đối với mỗi địa phương.

Tuy nhiên, thành phố Cao Bằng số thu thuế từ các hoạt động kinh doanh nói chung và số thu thuế GTGT nói riêng chưa cao. Với mong muốn hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT tại Chi cục thuế Thành phố đối với DNNVV, đề án đã giải quyết các nội dung:

Một là, đề tài đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV, đã diễn đạt rõ khái niệm, đặc điểm của thuế GTGT; phân tích các nội dung quản lý thuế GTGT, chỉ rõ các nhân tố ảnh hưởng, các chỉ tiêu đo lường hiệu quả công tác quản lý thuế GTGT làm cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế GTGT ở một địa phương cụ thể.

Hai là, đề tài đã phân tích cụ thể và đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng theo các công đoạn quản lý kê khai thuế, quản lý căn cứ tính thuế, đơn đốc thu nộp, kiểm tra thuế, quản lý nợ và cưỡng chế thuế. Việc đánh giá các nội dung quản lý theo công đoạn này được mô tả trên cơ sở các chức năng quản lý thuế của Chi cục Thuế tác động như thế nào đến từng nội dung quản lý. Qua đó, đề án chỉ ra kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế theo từng nội dung và chức năng quản lý thuế.

Ba là, đề tài đã đề xuất những giải pháp cụ thể để hoàn thiện công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV tại Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng trong thời gian tới.

Nội dung công tác quản lý thuế GTGT đối với DNNVV là một vấn đề phức tạp, doanh nghiệp thường xuyên thay đổi ngành nghề, quy mô, địa điểm kinh doanh, các yếu tố như điều kiện kinh tế, phong tục tập quán, thói quen,... cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi đó chế độ, chính sách thuế thường xuyên thay đổi và thời gian nghiên cứu có hạn. Vì vậy, đề án không tránh khỏi những điểm cần được bổ sung, hoàn thiện. Tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, các nhà quản lý để đề án có ý nghĩa thiết thực trong quản lý thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2019), *Quyết định số 110/QĐ-BTC* ngày 14/01/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố.
2. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số 127/2015/TT-BTC* ngày 21/8/2015 hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp.
3. Chi cục Thuế thành phố Cao Bằng, *Báo cáo tổng kết năm 2021, 2022, 2023*.
4. Chính phủ (2013), *Nghị định số 209/2013/NĐ-CP* ngày 18/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng.
5. Chính phủ (2015), *Nghị định số 12/2015/NĐ-CP* ngày 12/02/2015 hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.
6. Chính phủ (2020), *Nghị định số 126/2020/NĐ-CP* ngày 19/10/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.
7. Cục Thống kê tỉnh Cao Bằng, *Niên giám thống kê năm 2021, 2022, 2023*
8. Khoa Tài chính Nhà nước (2005), *Giáo trình Tài chính công, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh*.
9. PGS. TS Lê Xuân Trường (2016), *Giáo trình quản lý thuế, Học viện Tài chính*.
10. Quốc hội (2007), *Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12* ngày 3/6/2008.
11. Quốc hội (2013), *Luật số 31/2013/QH13* ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.
12. Quốc hội (2017), *Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14* ngày 12/6/2017.
13. Quốc hội (2019), *Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14* ngày 13/06/2019.
14. Quốc hội (2020), *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14* ngày 17/6/2020.
15. Tổng cục Thuế (2019) *Quyết định số 245/QĐ-TCT* ngày 25/3/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ của các Đội thuộc Chi cục Thuế.
16. Tổng cục Thuế (2019) *Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm tra viên chính, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội*.

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT Ý KIẾN DOANH NGHIỆP

Trước hết, chúng tôi xin gửi tới Anh/Chị lời cảm ơn chân thành nhất, xin Anh/Chị vui lòng dành cho chúng tôi một chút ít thời gian để ghi vào phiếu khảo sát.

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện các chính sách thuế và thủ tục hành chính thuế, rất mong nhận được ý kiến đánh giá của Quý doanh nghiệp theo các chỉ tiêu ghi tại phiếu thăm dò ý kiến này.

Mọi thông tin, ý kiến của đơn vị cung cấp chúng tôi cam kết sẽ giữ bí mật, không công bố, in ấn, phát hành.

Đề nghị doanh nghiệp/Anh/Chị vui lòng đánh dấu “X” vào ô mà mình cho là thích hợp nhất.

(Quý doanh nghiệp không phải ghi thông tin tên Doanh nghiệp, cá nhân tại phiếu này)

I. Về công tác Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế

1. Thủ tục hành chính thuế được công khai minh bạch trên Website và tại trụ sở cơ quan thuế

Đáp ứng tốt *Đáp ứng một phần* *Không đáp ứng*

2. Công tác TTHT, tập huấn, đối thoại có đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp

Đáp ứng tốt *Đáp ứng một phần* *Không đáp ứng*

3. Việc giải đáp các vướng mắc về thuế cho doanh nghiệp nhanh chóng, kịp thời

Đáp ứng tốt *Đáp ứng một phần* *Không đáp ứng*

4. Thái độ của công chức lịch sự, tận tình, trách nhiệm

Đáp ứng tốt *Đáp ứng một phần* *Không đáp ứng*

5. Công chức nắm rõ nghiệp vụ, hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu

Đáp ứng tốt *Đáp ứng một phần* *Không đáp ứng*

II. Về công tác Kê khai thuế, nộp thuế

1. Sự phù hợp và thuận tiện trong kê khai, nộp thuế bằng hình thức điện tử đối với DNNVV

Rất tốt *Tốt* *Bình thường* *Không tốt*

2. Phần mềm hỗ trợ kê khai, nộp thuế điện tử có tiện lợi, dễ sử dụng

Rất tốt *Tốt* *Bình thường* *Không tốt*

3. Các mẫu biểu kê khai, nộp thuế điện tử có kịp thời so với sự thay đổi của chính sách thuế

Rất tốt *Tốt* *Bình thường* *Không tốt*

4. Công chức thuế có trách nhiệm, nhiệt tình hướng dẫn kê khai, nộp thuế

Rất tốt *Tốt* *Bình thường* *Không tốt*

5. Nghĩa vụ kê khai, nộp thuế có được hạch toán kịp thời, chính xác

Rất tốt *Tốt* *Bình thường* *Không tốt*

III. Về công tác Kiểm tra thuế

1. Công tác kiểm tra thuế được thực hiện công khai, rõ ràng đúng quy định, có căn cứ đầy đủ

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

2. Nội dung yêu cầu giải trình, cung cấp hồ sơ, tài liệu đúng quy định

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

3. Thái độ công chức trong quá trình kiểm tra đúng mực, không gây khó khăn cho doanh nghiệp

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

4. Công chức đoàn kiểm tra có trình độ chuyên môn và kỹ năng tốt

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

5. Doanh nghiệp hài lòng với kết quả kiểm tra thuế

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

IV. Về công tác Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế

1. Số thuế nợ của doanh nghiệp được hạch toán chính xác, kịp thời

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

2. Thông báo nợ thuế được gửi tới doanh nghiệp thường xuyên, kịp thời, đầy đủ

Rất hài lòng *Hài lòng* *Không hài lòng*

3. Các biện pháp cưỡng chế nợ thuế được thực hiện đúng quy định, đầy đủ căn cứ pháp lý

Rất hài lòng

Hài lòng

Không hài lòng

4. Công chức thuế có thái độ đúng mực, xử lý đúng quy trình đơn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế

Rất hài lòng

Hài lòng

Không hài lòng

V. Ý kiến đóng góp khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....